

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CAO ĐẲNG

Tên chương trình đào tạo	: Đào tạo cử nhân Quản lý kinh tế
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh
Chuyên ngành	: Quản lý kinh tế
Loại hình đào tạo	: Chính quy

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Quản lý kinh tế có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý; có kỹ năng giao tiếp và quản lý; có khả năng lập kế hoạch và tác nghiệp những hoạt động kinh tế xã hội, sản xuất của đơn vị.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người cán bộ quản lý: Thấm nhuần thế giới quan Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, có tính trách nhiệm cao trong công việc. Có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường quản lý trong điều kiện hội nhập kinh tế.

1.2.2. Về kiến thức

Có kiến thức chung về khoa học kinh tế, khoa học xã hội và nhân văn, Khả năng tư duy áp dụng các kiến thức, để xử lý được các tình huống trong hoạt động quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả làm việc. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động làm việc cũng như quản lý tại đơn vị.

1.2.3. Về kỹ năng

Có kỹ năng nghề nghiệp như:

(1) Hoạch định, tổ chức và kiểm tra các hoạt động của cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp;

(2) Phân tích, tư duy và hệ thống;

(3) Có ý thức trách nhiệm, kỷ luật, đạo đức trong quản lý;

(4) Có ý thức và khả năng tự học tập và hoạch định nghề nghiệp cho bản thân.

(5) Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp xã hội.

2. Chuẩn đầu ra

- Sinh viên hệ thống hóa và củng cố được những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, áp dụng kiến thức chuyên môn về chuyên ngành quản lý kinh tế đã được trang bị trong quá trình học vận dụng vào thực tế, qua đó củng cố và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện tính tự tin, tự chủ, sáng tạo trong công việc.

- Sinh viên hình thành tốt các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, phát huy tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề của thực tế từ đó nâng cao nghiệp vụ và tích lũy kinh nghiệm phục vụ cho công việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Sinh viên ngành quản lý kinh tế có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. Vận dụng được các kiến thức đã học để thực hiện công việc – phân tích – tổng hợp – so sánh (các ngành trong nền kinh tế, giữa các doanh nghiệp, giữa lý thuyết và thực tiễn) – đánh giá.

3. Thời gian đào tạo: 3 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 100 tín chỉ

Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục

- Kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 75 tín chỉ

Trong đó:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: 48 tín chỉ

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

+ Thực tập, đồ án tốt nghiệp: 9 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC	Loại giờ TC				Đơn vị đảm nhiệm
			LT	BT/TL	TH/TN	Tự học	
I	Kiến thức giáo dục đại cương	44	648	162	0	1620	
I.1	Phần kiến thức chung	28	444	111	0	1110	
I.1.1	Phần bắt buộc chung	24	396	99	0	990	
1	NLCB của CN Mác Lê Nin 1	2	24	6	0	60	
2	NLCB của CN Mác Lê Nin 2	3	36	9	0	90	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	6	0	60	KHCB
4	Tiếng Anh 1	3	36	9	0	90	

5	Tiếng Anh 2	3	36	9	0	90	
6	Tin học đại cương	3	36	9	0	90	
7	Toán cao cấp	3	36	9	0	90	
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	36	9	0	90	
9	Pháp luật đại cương	2	24	6	0	60	
10	Giáo dục thể chất *	3					
11	Giáo dục quốc phòng *	8					TT GDQP
I.1.2	Phần tự chọn (Chọn 4/10 TC)	4	48	12	0	120	
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	0	60	
13	Môi trường và con người	2	24	6	0	60	
14	Kỹ năng học tập nghiệp cứu bậc học đại học	2	24	6	0	60	
15	Xã hội học đại cương	2	24	6	0	60	
I.2	Các môn cơ sở khối ngành	16	204	51	0	510	
I.2.1	Phần bắt buộc	10	144	36	0	360	
16	Kinh tế vi mô	2	36	9	0	90	
17	Kinh tế vĩ mô	2	36	9	0	90	
18	Kinh tế lượng	3	36	9	0	90	
19	Luật kinh tế	3	36	9	0	90	
I.2.2	Phần tự chọn	6	60	15	0	150	
20	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	9	0	90	
21	Tâm lý học quản lý kinh tế	2	24	6	0	60	
22	Lý thuyết ra quyết định	2	24	6	0	60	KT&QTKD
23	Marketing căn bản	2	24	6	0	60	
24	Tài chính tiền tệ	2	24	6	0	60	
25	Vẽ kỹ thuật	3	36	9	0	90	
26	Các quá trình sản xuất	3	36	9	0	90	Khoa Cơ khí
27	Đại cương về kỹ thuật	2	24	6	0	60	
28	Kỹ thuật xây dựng đại cương	3	36	9	0	90	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	56	816	204	75	2190	
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	29	408	102	0	1020	
II.1.1	Phần bắt buộc	23	336	84	0	840	
29	Nguyên lý kế toán	3	36	9	0	90	
30	Thống kê doanh nghiệp	2	24	6	0	60	
31	Nguyên lý thống kê	2	36	9	0	90	KT&QTKD
32	Quản trị học	3	24	6	0	60	
33	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	36	9	0	90	
34	Quản trị nguồn nhân lực	3	36	9	0	90	
35	Kinh tế phát triển	2	36	9	0	90	
36	Nguyên lý quản lý kinh tế	2	36	9	0	90	
37	Khoa học về quản lý	2	36	9	0	90	
II.1.2	Phần tự chọn	6	72	18	0	180	
38	Kinh tế công cộng	2	24	6	0	60	KT&QTKD
39	Thương mại quốc tế	2	24	6	0	60	

40	<i>Kinh tế quốc tế</i>	2	24	6	0	60		
41	<i>Lập và phân tích dự án đầu tư</i>	2	24	6	0	60		
42	<i>Thương mại điện tử căn bản</i>	2	24	6	0	60		
43	<i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN</i>	2	24	6	0	60		
44	<i>Địa lý kinh tế Việt Nam</i>	2	24	6	0	60		
45	<i>Lịch sử kinh tế Việt Nam</i>	2	24	6	0	60		
46	<i>Thị trường chứng khoán</i>	2	24	6	0	60		
47	<i>Pháp luật về sở hữu trí tuệ</i>	2	24	6	0	60		
48	<i>Truyền thông kinh doanh</i>	2	24	6	0	60		
49	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i>	2	24	6	0	60		
II.2	<i>Kiến thức chuyên môn ngành</i>	19	336	84	0	840		
II.2.1	<i>Phần bắt buộc</i>	15	288	72	0	720		
50	<i>Quản lý kinh tế 1</i>	2	24	6	0	60		
51	<i>Quản lý kinh tế 2</i>	2	24	6	0	60		
52	<i>Quản trị chất lượng</i>	3	36	9	0	90		
53	<i>Quản trị kinh doanh</i>	3	36	9	0	90		
54	<i>Quản trị marketing</i>	3	36	9	0	90		
55	<i>Quản trị thương hiệu</i>	2	24	6	0	60		
II.2.2	<i>Phần tự chọn</i>	4	48	12	0	120		
56	<i>Quản trị công nghệ</i>	2	24	6	0	60		
57	<i>Kỹ năng quản lý sự thay đổi</i>	2	24	6	0	60		
58	<i>Kỹ năng quản lý thời gian</i>	2	24	6	0	60		
59	<i>Kỹ năng lập dự án đầu tư</i>	2	24	6	0	60		
60	<i>Kỹ năng soạn thảo hệ thống văn bản pháp quy trong doanh nghiệp</i>	2	24	6	0	60		
61	<i>Tâm lý học lãnh đạo quản lý</i>	2	24	6	0	60		
62	<i>Quản lý tài chính công</i>	2	24	6	0	60	KT&QTKD	
63	<i>Quản lý kinh tế địa phương</i>	2	24	6	0	60		
64	<i>Kinh tế phát triển nông thôn</i>	2	24	6	0	60		
65	<i>Nghiên cứu và dự báo kinh tế</i>	2	24	6	0	60		
66	<i>Quản lý năng lượng và môi trường</i>	2	24	6	0	60		
67	<i>Lãnh đạo và kiểm tra</i>	2	24	6	0	60		
68	<i>Quản lý công nghệ</i>	2	24	6	0	60		
69	<i>Kinh tế thương mại và dịch vụ</i>	2	24	6	0	60		
II.3	<i>Thực tập</i>	9	72	18	75	330		
70	<i>TTTN chuyên ngành Quản lý kinh tế</i>	3	0	0	45	90		
71	<i>Khóa luận tốt nghiệp Quản lý kinh tế</i>	6	72	18	0	180		
	<i>(Hoặc chọn 6 TC trong số HP tự chọn)</i>							
	<i>Quản lý ngân sách</i>	2	24	6	0	60		
	<i>Kỹ năng đọc & Phân tích báo cáo tài chính</i>	2	24	6	0	60		

	<i>Quản trị bán hàng</i>	2	24	6	0	60	
	<i>Quản trị xúc tiến thương mại</i>	2	24	6	0	60	
	<i>Thương mại điện tử</i>	2	24	6	0	60	
	<i>Tâm lý quản trị</i>	2	24	6	0	60	
	<i>Giao tiếp kinh doanh</i>	2	24	6	0	60	
	<i>Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong đơn vị</i>	2	24	6	0	60	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ CẢ KHÓA HỌC	100	1464	366	75	3810	

10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1, 2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin I, II 5 TC

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: những nội dung cơ bản về thế giới quan, Phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Những nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế Mác-Lênin; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 TC

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và xây dựng con người mới, Phương pháp luận Hồ Chí Minh.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3 TC

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng và phát triển văn hoá xã hội; Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Đường lối đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Pháp luật đại cương 2 TC

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

6, 7, 8. Tiếng Anh I, II

6 TC

Học phần Tiếng Anh I, II, III là các nội dung Tiếng Anh cơ bản nhất trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

9. Toán cao cấp

3 TC

Nội dung học phần Toán cao cấp bao gồm các kiến thức về: Hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi phân, tích phân, lý thuyết chuỗi. Nội dung chương trình đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất của toán học, yêu cầu sinh viên phải nắm được các tính chất của hàm một biến số (bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân) và mối quan hệ giữa các tính chất đó. Đồng thời cần nắm được khái niệm tích phân suy rộng và sự hội tụ của chúng. Từ đó có khả năng vận dụng các kiến thức vào các chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo.

10. Lý thuyết Xác suất thống kê

3 TC

Học phần Xác suất thống kê trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất như các hiện tượng ngẫu nhiên, tất nhiên, các loại phân bố gián đoạn, phân bố liên tục, phân bố xác suất các đại lượng ngẫu nhiên. Học phần trình bày phương pháp thống kê xử lý các số liệu thực nghiệm và mối tương quan giữa các đại lượng tham số. Kiến thức lý thuyết được trình bày để sinh viên có thể áp dụng dễ dàng vào các ngành học thích hợp trong kỹ thuật.

11. Tin học ứng dụng

3 TC

Học phần Tin học ứng dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng,

phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

12, 13. Giáo dục thể chất 1, 2

5 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

14. Giáo dục quốc phòng và an ninh

8 TC

Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

15. Logic học đại cương

2 TC

Học phần giới thiệu về logic học hình thức, các qui luật và hình thức cơ bản của tư duy. Qua đó sinh viên được rèn luyện và nâng cao tư duy khoa học.

16. Môi trường và con người

2 TC

Học phần Môi trường và con người bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp các thông tin về tình hình môi trường; bảo vệ môi trường, khung pháp lý về bảo vệ môi trường ở Việt Nam; các phương pháp quản lý các nguồn tác động môi trường điển hình.

II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1. Kinh tế vi mô

2 TC

Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh; về hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế.

Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các môn học sau này.

2. Kinh tế vĩ mô

3 TC

Học phần này giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

3. Marketing căn bản

2 TC

Học phần Marketing căn bản bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Học phần gồm hai phần, phần thứ nhất là những vấn đề chung của marketing liên quan đến thị trường kinh doanh của doanh nghiệp là: thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phần thứ hai là marketing chuyên biệt thể hiện bốn chính sách đồng bộ mà doanh nghiệp có thể sử dụng để tác động lên thị trường mục tiêu của mình: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp.

4. Kinh tế lượng

3 TC

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

5. Luật kinh tế

3 TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

6. Quản trị học

3 TC

Học phần Quản trị học bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị; Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

7.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế

2 TC

Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh tế bao gồm những nội dung chính sau: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế; và Phương pháp tiến hành luận văn tốt nghiệp đại học ngành kinh tế.

7.3. Nguyên lý kế toán

2 TC

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

7.4. Tin học quản lý

3 TC

Các khái niệm chung, yêu cầu của hệ thống quản lý, phương pháp xây dựng một hệ thống phần mềm quản lý trong doanh nghiệp công nghiệp bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu Access. Học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên các khái niệm về quản lý, ứng dụng tin học trong các bài toán quản lý. Sinh viên sẽ có khả năng sử dụng một hệ quản trị cơ sở dữ liệu để xây dựng các hệ thống phần mềm trợ giúp cho các hệ thống quản lý doanh nghiệp công nghiệp.

8. Vẽ kỹ thuật

3 TC

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các

kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt, hình chiếu trục đo, quy ước ren, bánh răng, Ổ lăn...

9. Cơ học ứng dụng

2 TC

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính toán động học, giải các bài toán về ma sát trong các khớp động và cân bằng máy cũng như những kiến thức về cơ học vật rắn biến dạng trên cơ sở đó ứng dụng các kiến thức này vào việc giải quyết các bài toán phân tích và tổng hợp cơ cấu, tính toán thiết kế các chi tiết máy và kết cấu cơ bản.

10. Đại cương về kỹ thuật

3 TC

Học phần đại cương về kỹ thuật giới thiệu cho sinh viên năm đầu các khái niệm căn bản: các ngành nghề kỹ thuật; chức năng và yêu cầu của cán bộ kỹ thuật; cách giải quyết các vấn đề kỹ thuật; căn bản về máy vi tính và sử dụng máy vi tính trong kỹ thuật; giao tiếp trong kỹ thuật và làm việc nhóm; đạo đức nghề nghiệp; bài học từ các sai sót....

11. Các quá trình gia công cơ bản

3 TC

Học phần Các quá trình gia công bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Khảo sát các quá trình gia công cơ bản trong sản xuất cơ khí bao gồm các quá trình Đúc; Gia công kim loại bằng áp lực; Hàn và cắt kim loại; Gia công cắt gọt; Xử lý nhiệt; Gia công đặc biệt; lắp ráp; đồng thời quan tâm đến một số vấn đề khác như: khái niệm cơ bản trong sản xuất cơ khí, Vật liệu kim loại và phi kim loại, chất lượng của sản phẩm cũng như các khái niệm về Cơ khí hoá và tự động hoá trong sản xuất công nghiệp.

12. Kỹ thuật điện đại cương

3 TC

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên khái niệm chung về mạch điện; Dòng điện hình sin; Các phương pháp giải mạch sin không xác lập; Giới thiệu các linh kiện điện tử và mạch. Các tính chất của tiếp xúc P-N trong các diode, BJT, FET và các ứng dụng tuyến tính và phi tuyến của chúng. Các ứng dụng transistor trong thiết kế các mạch khuếch đại, mạch dao động và mạch xung. Đặc tính khuếch đại thuật toán và ứng dụng.

13. Kỹ thuật xây dựng đại cương

2 TC

Môn học của học phần này gồm các kiến thức cơ bản về kỹ thuật xây dựng như: Các định nghĩa cơ bản của ngành xây dựng; Công trình kiến trúc và thiết kế kiến trúc-xây dựng; Tổng quan quá trình thi công xây dựng công trình; Dự án xây dựng.

14. Nguyên lý thống kê kinh tế

2 TC

Học phần này trình bày những thông tin sơ lược về thống kê; Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế; Các phương thức trình bày số liệu thống kê kinh tế; Phương pháp phân tích hiện trạng của hiện tượng; Điều tra chọn mẫu; Phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian; Phương pháp phân tích chỉ số; Lý thuyết quyết định.

15. Thống kê doanh nghiệp

2 TC

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê (các mức độ của hiện tượng thống kê; điều tra chọn mẫu; tương quan hồi quy; dãy số thời gian; chỉ số trong thống kê). Các kiến thức thống kê hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

16. Phân tích hoạt động kinh doanh

3 TC

Phân tích hoạt động kinh doanh là một môn học giúp cho sinh viên kinh tế hiểu sâu sắc và đánh giá đúng tình trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh hoà nhập với nền kinh tế thế giới. Từ đó đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời góp phần cung cấp kiến thức một cách toàn diện cho sinh viên ngành kinh tế.

17. Khoa học và quản lý

3 TC

Cung cấp cho người học cơ sở hình thành môn Khoa học quản lý, trang bị những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường

19. Quản lý kinh tế 1,2

3 TC

- Người học sẽ hiểu được các lý luận chung về kinh tế và quản lý kinh tế; vai trò và đặc điểm của kinh tế và quản lý kinh tế; các vấn đề lý luận về quản lý kinh tế;
- Người học sẽ nắm được sự phát triển của các học thuyết quản lý kinh tế từng thời kỳ. Từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm trong việc vận dụng các lý thuyết quản lý trong quản lý kinh tế hiện đại;

20. Tài chính tiền tệ

3 TC

Học phần gồm những nội dung chính: Những vấn đề cơ bản về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Tiền tệ-Tín dụng-Ngân hàng; Thị trường tài chính; Lạm phát và chính sách tiền tệ; Quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế... Sau khi học xong học phần này, học viên nâng cao những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn không thể thiếu trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ, liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm trong thực tế.

21.1. Kinh tế quốc tế

3 TC

Môn học Kinh tế quốc tế cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các lý thuyết căn bản của kinh tế học quốc tế, từ đó vận dụng phân tích thực tiễn nền kinh tế thế giới đương đại trong tiến trình hội nhập các nền kinh tế quốc gia với sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế (bao hàm các quan hệ quốc tế về thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ ...). Thêm vào đó chúng ta sẽ xem xét nền kinh tế Việt Nam trong tổng thể nền kinh tế thế giới và sự tác động của quá trình toàn cầu hóa trong lĩnh vực kinh tế.

21.2. Lãnh đạo và kiểm tra

2 TC

Người học nắm được những vấn đề cơ bản về bản chất của lãnh đạo, sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản trị, những phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, hiệu quả của phong cách lãnh đạo.

21.3. Quản trị kênh phân phối

3 TC

Quản trị kênh phân phối là môn học chuyên sâu của ngành marketing, được giảng dạy sau khi sinh viên đã học xong môn marketing căn bản, hành vi khách hàng, quản trị học. Tài liệu quản trị kênh phân phối được biên soạn trên cơ sở tiếp cận các tài liệu và các sách tham khảo của các chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực quản trị kênh phân phối của nước ngoài, cũng như trong nước, nghiên cứu đến những đặc thù của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh mới của thế kỷ 21.

21.4. Quản trị công nghệ

2 TC

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm về công nghệ và quản trị công nghệ; Dự báo, hoạch định công nghệ; Lựa chọn và đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ; Các chiến lược công nghệ và quản lý công nghệ tại doanh nghiệp.

22. Quản trị chất lượng

3 TC

Học phần Quản trị chất lượng bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: cung cấp những khái niệm cơ bản về chất lượng, các quan điểm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường, các tiêu chuẩn chất lượng và đo lường chất lượng; các phương pháp quản lý chất lượng; các hình thức kiểm tra chất lượng. Hệ thống chất lượng ISO.

23. Quản trị nhân lực

3 TC

Học phần Quản trị nhân lực cung cấp các kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, tương ứng với 3 giai đoạn: Hình thành, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức doanh nghiệp.

24. Quản lý tài chính

2 TC

Học phần Quản lý dự án bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung và trình tự tiến hành việc xây dựng, phân tích và quản lý các dự án đầu tư đảm bảo tính khả thi và hiệu quả cao về các mặt tài chính, kinh tế, xã hội và môi trường. Các phương pháp kỹ năng cơ bản tiến hành quản lý các dự án.

25. Quản trị marketing

3 TC

Trang bị những kỹ năng marketing trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động phân đoạn thị trường kinh doanh của doanh nghiệp; xây dựng các biện pháp chính sách về sản phẩm, giá phân phối, xúc tiến hỗn hợp đối với công nghiệp, các vấn đề về thương hiệu và quảng cáo công nghiệp.

26. Quản trị dự án

3 TC

Học phần Quản trị dự án bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung và trình tự tiến hành việc

xây dựng, phân tích và quản lý các dự án đầu tư đảm bảo tính khả thi và hiệu quả cao về các mặt tài chính, kinh tế, xã hội và môi trường. Các phương pháp kỹ năng cơ bản tiến hành quản lý các dự án.

27. Quản trị sản xuất

3 TC

Học phần Quản trị sản xuất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất và tác nghiệp trong doanh nghiệp của nó như dự báo, quản trị công suất, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị dự trữ sản xuất hệ thống cung cấp đúng thời hạn trong hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp; xác định mối quan hệ chặt chẽ với các chức năng quản lý khác.

28. Kinh tế phát triển

2 TC

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản tăng trưởng và phát triển kinh tế, các nguyên lý và mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế.

29. Quản trị thương hiệu

2 TC

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký thương hiệu; quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh

30. Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương

2 TC

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ năng giao dịch quốc tế. Giúp sinh viên hiểu rõ và nắm vững các quy trình nghiệp vụ ngoại thương, các quy định quốc tế về các phương thức giao dịch, mua bán quốc tế; cách thức soạn thảo hợp đồng ngoại thương. Trên cơ sở nội dung học phần, sinh viên có thể hiểu và vận dụng vào thực tế Việt.

31. Thị trường chứng khoán

2 TC

Học phần Thị trường chứng khoán trình bày các vấn đề về Tổng quan về thị trường chứng khoán; Các dạng thị trường chứng khoán; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; Cơ chế quản lý giám sát thị trường chứng khoán.

32. Khóa luận tốt nghiệp

6 TC

Học phần Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

NGÀNH ĐÀO TẠO : QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH : QUẢN LÝ KINH TẾ

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : CAO ĐẲNG

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Thái Nguyên, năm 2015

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN I

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN I

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lí thuyết: 26; Thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về những nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, từ đó góp phần có được một thế giới quan và một phương pháp luận khoa học, cách mạng.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Những nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế Mác-Lênin; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lê nin-NXB Giáo dục*

8.2. Sách tham khảo:

[2] Huỳnh Thành lập- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2008*

[3] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội*

[4] Nguyễn Quang Diễm- *Triết học Mác-Lê Nin- NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh- 2005 .*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin

Phần thứ nhất

THẾ GIỚI QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC- LÊNIN

Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

- 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng
- 1.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức

Chương 2: Phép biện chứng duy vật

- 2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

- 3.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó

- 3.2. Quy luật QHSX phù hợp với trình độ của LLSX
- 3.3. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.4. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- 3.5. Hình thái kinh tế -xã hội (HTKT-XH), sự phát triển của các HTKT-XH là quá trình lịch sử tự nhiên.
- 3.6. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội
- 3.7. Vấn đề con người trong triết học Mác-Lênin

Chương 4: Học thuyết giá trị

- 4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá
- 4.2. Hàng hoá
- 4.3. Tiền tệ
- 4.4. Quy luật giá trị

2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN II

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN II

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36; Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về những nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lênin, từ đó góp phần có được một thế giới quan và một phương pháp luận khoa học, cách mạng.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Những nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế Mác-Lênin; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lê nin-NXB Giáo dục*

8.2. Sách tham khảo:

[2] Huỳnh Thành lập- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2008*

[3] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội*

[4] Nguyễn Quang Diễm- *Triết học Mác-Lê Nin- NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh- 2005 .*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

10. Nội dung chi tiết môn học

Phần thứ hai

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Chương 1: Học thuyết giá trị

- 1.1. Điều kiện ra đời; Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa
- 1.2. Hàng hóa
- 1.3. Tiền tệ
- 1.4. Quy luật giá trị thặng dư

Chương 2: Học thuyết giá trị thặng dư

- 2.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản
- 2.2. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư
- 2.3. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản
- 2.4. Các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư.

Chương 3: Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước

- 3.1. CNTB độc quyền
- 3.2. CNTB độc quyền nhà nước
- 3.3. Vai trò và giới hạn lịch sử của CNTB

Phần thứ ba

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

CHƯƠNG VII: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Chương 4: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN

4.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.2. Cách mạng XHCN

4.3. Hình thái KT-XH CSCN

Chương 5: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình CM XHCN

5.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN

5.2. Xây dựng nền văn hoá XHCN

5.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

Chương 6: CNXH hiện thực và triển vọng

6.1. CNXH hiện thực

6.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết và nguyên nhân của nó

6.3. Triển vọng của CNXH

3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lí thuyết: 24; thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin I, II

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên có những hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp, những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh; từ đó có tình cảm niềm tin khoa học vào mục tiêu lý tưởng cách mạng; có ý thức rèn luyện phấn đấu; có những việc làm cụ thể thiết thực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và xây dựng con người mới, Phương pháp luận Hồ Chí Minh.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh-NXB Giáo dục*

2. Sách tham khảo:

[2] Huỳnh Thành lập- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2008*

[3] Phùng Tố Tâm- *Tư tưởng Hồ Chí Minh hành trình đến thắng lợi- NXB Thế giới 2011*

[4] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- 1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
- 1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
- 1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và CM giải phóng dân tộc

- 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc
- 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở VN

- 3.1. TTHCM về CNXH ở Việt Nam
- 3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản VN

- 4.1. Về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản VN
- 4.2. Về xây dựng Đảng CSVN

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

- 5.1. Về đại đoàn kết dân tộc
- 5.2. Về đoàn kết quốc tế

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân

- 6.1. Về dân chủ

6.2. Về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới

7.1. Về văn hoá

7.2. Về đạo đức

4. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin I, II; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, mục tiêu lý tưởng cách mạng, biết vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết đúng đắn những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng và phát triển văn hoá xã hội; Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Đường lối đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam-NXB Giáo dục*

8.2. Sách tham khảo:

[2] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN

Chương 1: Sự ra đời của ĐCSVN và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của ĐCSVN

1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

2.1. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh thời kỳ 1930-1939

2.2. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh thời kỳ 1939-1945

Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)

3.1. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và KC chống thực dân Pháp xâm lược

3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá (CNH)

4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới

4.2. Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa thời kỳ đổi mới

Chương 5: Đường lối xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN

5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường

5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

6.1. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ trước đổi mới

6.2. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ đổi mới

Chương 7: Đường lối xây dựng phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội

7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng phát triển văn hoá

7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

Chương 8: Đường lối đối ngoại

8.1. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)

8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 26 ; Thảo luận: 04)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Chương trình học phần Pháp luật đại cương nhằm mở rộng những tri thức phổ thông, lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nâng cao nhận thức pháp luật cho sinh viên; Góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho sinh viên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; Củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.

7. Mô tả môn học

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Hợp Toàn- *Giáo trình Pháp luật đại cương*- NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân 2012

8.2. Sách tham khảo:

[2] Đỗ Văn Giai-Trần Lương Đức- *Giáo trình Pháp luật đại cương*- NXB Khoa học và kỹ thuật 2010

[3] Phan Trung Hiền- Diệp Thành Nguyên - *Giáo trình Pháp luật đại cương*- NXB Đại học Cần thơ 2009

9. Đánh giá học phần

Kiểm tra – đánh giá: Viết

Kiểm tra giữa kỳ: 30%

Kiểm tra cuối kỳ: 70%

10. Nội dung học phần

Chương 1: Những vấn đề chung của nhà nước và pháp luật

1.1. Nguồn gốc, bản chất và dấu hiệu đặc trưng của nhà nước

1.2. Các kiểu và các hình thức nhà nước

1.3. Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật.

1.4. Quy phạm pháp luật

1.5. Quan hệ pháp luật

1.6. Thực hiện pháp luật

1.7. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Chương 2: Luật Nhà nước (Luật Hiến pháp)

2.1. Khái niệm Luật Hiến pháp

2.2. Hiến pháp năm 1992

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Chế độ kinh tế

2.2.3. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chương 3: Luật Hành chính, Luật Tố tụng hành chính

3.1. Khái niệm Luật Hành chính

3.2. Vi phạm hành chính

3.2.1. Khái niệm, đặc điểm

3.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

3.3. Luật Tố tụng hành chính

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Nguyên tắc

3.3.3. Thời hiệu khởi kiện

3.3.4. Trình tự, Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính

Chương 4: Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự

4.1. Luật Hình sự

4.1.1. Khái niệm luật hình sự

4.1.2. Khái niệm về tội phạm

4.1.3. Hình phạt

4.2. Luật Tố tụng hình sự

4.2.1. Khái niệm luật tố tụng hình sự

4.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự

4.2.3. Các giai đoạn của hoạt động tố tụng hình sự

Chương 5: Luật Hôn nhân và Gia đình

5.1. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình

5.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình

5.3. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình

5.3.1. Kết hôn

5.3.2. Quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái

5.3.3. Ly hôn

Chương 6: Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự

6.1. Luật Dân sự

6.1.1. Khái niệm Luật Dân sự

6.1.2. Quyền sở hữu

6.1.3. Giao dịch dân sự

6.1.4. Quyền thừa kế

6.2. Luật Tố tụng dân sự

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự

6.2.3. Trình tự giải quyết các vụ án dân sự

Chương 7: Luật Lao động

7.1. Khái niệm Luật Lao động

7.2. Hợp đồng lao động

7.2.1. Khái niệm

7.2.2. Hình thức hợp đồng lao động

7.2.3. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

7.2.4. Nội dung cơ bản của hợp đồng lao động

7.2.5. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

7.2.6. Chấm dứt hợp đồng lao động

7.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động

7.4. Giải quyết tranh chấp lao động

7.4.1. Khái niệm

7.4.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

7.4.3. Trình tự giải quyết tranh chấp lao động

Chương 8: Luật Quốc tế

8.1. Khái niệm Luật Quốc tế

8.1.1. Khái niệm

8.1.2. Chủ thể của Luật Quốc tế

8.1.3. Nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế

8.2. Một số chế định cơ bản của Luật Quốc tế

8.2.1. Lãnh thổ và biên giới quốc gia

8.2.2. Ngoại giao và lãnh sự

6. TIẾNG ANH I

1. Tên học phần: TIẾNG ANH I

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 36, BT, TL: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhất trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

7. Mô tả môn học

Môn học củng cố và ôn tập lại kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, so sánh hơn và hơn nhất; Sinh viên được bổ sung thêm một số kiến thức ngữ pháp mới về câu điều kiện loại 1, cách dùng thì quá khứ tiếp diễn... Nắm vững được hệ thống từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, củng cố lại những cấu trúc câu thông dụng đã học và trang bị thêm cấu trúc nâng cao để hiểu rõ văn phong cách diễn đạt trong tiếng Anh.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook- Cambridge*

[2] *Tiếng anh cơ sở tập 1- Trần Văn Phước (chủ biên)*

[3] *Tiếng anh cơ sở tập 2- Trần Văn Phước (chủ biên)*

8.2. Sách tham khảo:

[4] *Contemporary topics 1- Giới thiệu Thanh hải*

[5] *Contemporary topics 2- Giới thiệu Thanh hải*

[6] *Contemporary topics 3- Giới thiệu Thanh hải*

[7] *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh- Mai Lan Hương- Hà Thanh Uyên*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên (3 bài): 30%; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

- Thi kết thúc học phần: 70% ; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

10. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: Everyday life

1. Grammar: The present simple tense

2. Vocabulary: Collocations

3. Reading: Nature's children

Exercises

4. Listening and speaking: Telling the time

5. Pronunciation: The IPA

6. Extension: Reading and listening: Facts of life

Unit 2: Appearances

1. Grammar: The present continuous tense

2. Vocabulary: Physical appearances

Exercises

3. Reading: Lonely heart

Practice (3a-b)

4. Listening and speaking: Making arrangements

5. Pronunciation: Voiced and voiceless consonants

6. Extension: Talking about your family

Unit 3: Life stories

1. Grammar: The past simple tense

2. Vocabulary: Money

Exercises

3. Reading: The Witch of Wall Street

Practice (5a-b)

4. Listening and speaking: Telling your life stories

5. Pronunciation: -ed endings

6. Extension: Reading and listening

Unit 4: The future

1. Grammar: will, first conditional

2. Vocabulary: Country adjectives

Exercises

3. Reading: The end of the melting pot?

Practice (1a), (5.1-5.7)

4. Listening and speaking: Messages

5. Pronunciation: Sentence stress

6. Extension: Reading and listening

Unit 5: Comparisons

1. Grammar: Comparatives and superlatives

2. Vocabulary: Clothes

Exercise

3. Reading: Eye to eye

Practice (5.1- 5.3), (6b)

4. Listening and speaking: In a clothes shop

5. Pronunciation: Reduced vowels

6. Extension: Listening and speaking

Unit 6: People and places

1. Grammar: The past continuous tense

2. Vocabulary: Places and building

Reading: The roof of the world

7. TIẾNG ANH II

1. Tên học phần: TIẾNG ANH II

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36, TL: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Tiếng Anh I

6. Mục tiêu của học phần:

Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhất trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

7. Mô tả môn học

Người học được củng cố và ôn tập lại kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, danh từ đếm được và không đếm được. Bổ sung thêm một số kiến thức ngữ pháp mới về cách dùng would, câu điều kiện loại 2, thì tương lai... Nắm vững được hệ thống từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, củng cố lại những cấu trúc câu thông dụng đã học cũng như trang bị thêm cấu trúc nâng cao để hiểu rõ văn phong cách diễn đạt trong tiếng Anh.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook-* Cambridge

[2] *Tiếng anh cơ sở tập 1-* Trần Văn Phước (chủ biên)

[3] *Tiếng anh cơ sở tập 2-* Trần Văn Phước (chủ biên)

8.2. Sách tham khảo:

[4] *Contemporary topics 1-* Giới thiệu Thanh hải

[5] *Contemporary topics 2-* Giới thiệu Thanh hải

[6] *Contemporary topics 3-* Giới thiệu Thanh hải

[7] *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh-* Mai Lan Hương- Hà Thanh Uyên

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên (3 bài): 30%; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

- Thi kết thúc học phần: 70% ; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

10. Nội dung chi tiết học phần

Unit 6: People and places

3. Reading (cont). Practice (5)

1. Listening and speaking: Asking the way
2. Pronunciation:
3. Extension: Reading and listening

Unit 7: In your life

1. Grammar: The present perfect tense
2. Vocabulary: Homophones and homonyms

Exercises (7- 9)

3. Reading: Where are they now?

Practice (5, 6)

4. Listening and speaking: Meeting visitors

5. Pronunciation: Auxiliary verbs

6. Extension: Reading and listening

Unit 8: Food and health

1. Grammar: Countable and uncountable noun

Exercises(1,2)

2. Vocabulary: Food and drink

3. Reading: The Big Man

Practice (4)

4. Listening and speaking: In a restaurant

5. Pronunciation: Silent letters

6. Extension: Reading and listening

Unit 9: Possibilities

1. Grammar: would, second conditional
2. Vocabulary: Crime
3. Reading: Would you get involved
Practice (3,4)
4. Listening and speaking: Checking into a hotel
5. Pronunciation: Emphatic stress
6. Extension: Reading and listening

Unit 10: Activities

1. Grammar: going to
2. Vocabulary: Gerunds, activities
3. Reading : The £349 housewife. Practice (3)
4. Listening and speaking: Making suggestions
5. Pronunciation:
4. Listening and speaking: In a clothes shop
5. Pronunciation: Reduced vowels
6. Extension: Listening and speaking

8. TOÁN CAO CẤP

1. Tên học phần: TOÁN CAO CẤP

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần Toán cao cấp trang bị kiến thức cơ bản về giải tích hàm số 1 biến số và lý thuyết chuỗi số. Sinh viên cần nắm được các tính chất của hàm số 1 biến số (bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân) và mối quan hệ giữa các tính chất đó. Đồng thời, cần nắm được khái niệm tích phân suy rộng và sự hội tụ của chúng.

7. Mô tả môn học

Chương trình Toán cao cấp bao gồm các kiến thức về: Hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi phân, tích phân, lý thuyết chuỗi. Nội dung chương trình đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất của toán học, yêu cầu sinh viên phải nắm được các tính chất của hàm một biến số (bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân) và mối quan hệ giữa các tính chất đó. Đồng thời cần nắm được khái niệm tích phân suy rộng và sự hội tụ của chúng. Từ đó có khả năng vận dụng các kiến thức vào các chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] *Toán Cao cấp tập 1*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)
- [2] *Toán Cao cấp tập 2*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)
- [3] *Toán Cao cấp tập 3*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

2. Sách tham khảo:

- [4] *Bài tập Toán Cao cấp tập 1*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)
- [5] *Bài tập Toán Cao cấp tập 2*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)
- [6] *Bài tập Toán Cao cấp tập 3*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

9. Đánh giá học phần

- + Số bài kiểm tra: 2; trọng số: 30%
- + Hình thức kiểm tra: Viết
- + Thi kết thúc học phần: Trọng số 70%
- + Hình thức thi học phần: Vấn đáp hoặc tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Số thực

- 1.1. Định nghĩa số thực.
- 2.2. Các tính chất - Cận trên - Cận dưới.

Chương 2: Hàm số một biến

- 2.1. Khái niệm hàm số một biến số - Các hàm số đặc biệt
- 2.2. Các hàm số sơ cấp đơn giản.

Chương 3: Lý thuyết giới hạn

A: Giới hạn dãy số

- 3.1. Các khái niệm cơ bản.
- 3.2. Các dấu hiệu hội tụ.
- 3.3. Giới hạn vô cực – Vô cùng bé – Vô cùng lớn.

B: Giới hạn hàm số

- 3.4. Các khái niệm cơ bản.
- 3.5. Điều kiện tồn tại giới hạn. So sánh Vô cùng bé – Vô cùng lớn.

Chương 4: Hàm số liên tục

- 4.1. Hàm số liên tục - Liên tục đều.
- 4.2. Các tính chất hàm số liên tục trên đoạn

Chương 5: Phép tính vi phân hàm một biến

A: Đạo hàm

- 5.1. Khái niệm đạo hàm - Đạo hàm một phía

5.2. Các quy tắc tính đạo hàm - Đạo hàm của hàm số sơ cấp.

B: Vi phân

5.3. Khái niệm vi phân - ý nghĩa hình học

5.4. Các định lý cơ bản của đạo hàm

Chương 6: Nguyên hàm

6.1. Khái niệm nguyên hàm

6.2. Các phương pháp tính tích phân

6.3. Tích phân hàm hữu tỷ - Hàm căn thức - Hàm mũ - Hàm lượng giác.

Chương 7: Tích phân xác định

7.1. Bài toán tính diện tích hình thang cong

7.2. Các phương pháp tính. Ứng dụng của tích phân xác định.

7.3. Tích phân suy rộng

9. LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ

1. Tên học phần: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; bài tập, thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần xác suất thống kê nhằm giới thiệu về lý thuyết xác suất và thống kê toán, các phương pháp tính xác suất, các công thức kiểm định giả thiết thống kê; Vận dụng lý thuyết giải các bài toán xác suất, thống kê. Biết phân tích một số bài toán cơ bản trong thực tiễn, biết cách thu thập và xử lý số liệu.

7. Mô tả môn học

Học phần xác suất thống kê trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất như các hiện tượng ngẫu nhiên, tất nhiên, các loại phân bố gián đoạn, phân bố liên tục, phân bố xác suất các đại lượng ngẫu nhiên. Học phần trình bày phương pháp thống kê xử lý các số liệu thực nghiệm và mối tương quan giữa các đại lượng vật lý là vấn đề mà bất kỳ người nào làm việc trong lĩnh vực vật lý cũng phải quan tâm.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính

[1] *Xác suất và thống kê*- Bộ môn toán tin- Đại học đươc HN

8.2. Sách tham khảo:

[2] Bùi Minh Trí- *Xác suất thống kê và quy hoạch thực nghiệm*- NXB Bách khoa HN 2011

[3] Đinh Văn GANG- *Xác suất thống kê*- NXB Giáo dục 2009

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra: 2 bài (Mỗi bài 45 phút), trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Viết.
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Viết.

10. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Chương 1: Đại cương về xác suất

1.1. Bổ sung về giải tích tổ hợp

1.2. Biến cố và các quan hệ giữa các biến cố

1.2.1. Phép thử ngẫu nhiên, các loại biến cố

1.2.3. Tổng, tích, hiệu các biến cố.

1.2.3. Biến cố xung khắc, biến cố đối lập, hệ đầy đủ các biến cố, quy tắc đối ngẫu.

1.3. Định nghĩa xác suất

1.3.1 Định nghĩa xác suất theo tiên đề.

1.3.2 Các mô hình cụ thể: Mô hình cụ điển, mô hình hình học, mô hình thống kê.

1.4. Công thức tính

1.4.1 Công thức cộng.

1.4.2 Công thức xác suất có điều kiện, công thức nhân.

1.4.3 Công thức đầy đủ và công thức Bayes.

1.4.4 Dãy phép thử độc lập Bernoulli, các định lý giới hạn và ứng dụng (tra các bảng Gauss, Laplace, Poisson).

Chương 2: Biến ngẫu nhiên một chiều

2.1. Khái niệm về biến ngẫu nhiên

2.2. Định nghĩa, phân loại biến ngẫu nhiên

2.3. Hàm phân phối, tính chất

2.4. Hàm mật độ, tính chất

2.5. Đặc trưng của biến ngẫu nhiên

2.6. Các phân phối thông dụng

2.7. Phân phối của một hàm của biến ngẫu nhiên

Chương 3: Vectơ ngẫu nhiên

3.1. Khái niệm về vectơ ngẫu nhiên

3.2. Vectơ ngẫu nhiên, hàm phân phối đồng thời, hàm mật độ đồng thời, các hàm mật độ lề, mật độ có điều kiện

3.3. Đặc trưng của Vectơ ngẫu nhiên: hiệp phương sai, hệ số trung gian, kỳ vọng có điều kiện.

Phần 2: THỐNG KÊ

Chương 4: Lý thuyết mẫu

4.1. Các phương pháp chọn mẫu

4.2. Các đặc trưng mẫu, thực hành tính mẫu

4.3. Phân phối chính xác các đặc trưng mẫu

Chương 5: Ước lượng

5.1. Ước lượng điểm: các tiêu chuẩn, phương pháp

5.2. Ước lượng khoảng: kỳ vọng, tỷ lệ, phương sai của tập chuẩn

Chương 6: Kiểm định giả thuyết thống kê

6.1. Đặt bài toán. Sai lầm loại 1, sai lầm loại 2

6.2. Kiểm định giả thuyết có tham số

6.2.1 Bài toán 1 mẫu. Bài toán 2 mẫu

6.2.2 Kỳ vọng, phương sai, tỷ lệ trong tập chuẩn

6.3. Kiểm định giả thuyết phi tham số

6.3.1 Kiểm định tính phù hợp

6.3.2 Kiểm định tính độc lập

Chương 7: Tương quan và Hồi quy

7.1. Hệ số tương quan mẫu

7.2. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm

10. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

2. Mã số học phần: TI1310

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36; Thực hành: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, về phần cứng và các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng; Khai thác một số tiện ích, công cụ tìm kiếm trên Internet.

7. Mô tả môn học

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

8. Tài liệu học tập

8.1 Sách, giáo trình chính:

[1] Tạ Minh Châu, *Giáo trình tin học đại cương*, Đại học Quốc gia TP HCM 2007

[2] Tô Văn Nam, *Giáo trình Tin học @i c-ng*, NXBGD, 2010

8.2. Sách tham khảo:

[3] HỒ Sĩ Đàm, *Giáo trình tin học cơ sở*, NXB Đại học Sư Phạm, 2003

[4] Tô Văn Nam, *Bài tập Tin học @i c-ng*, NXBGiáo dục 2010

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra: 2 bài (30 %)
- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Các kiến thức tin học cơ sở

- 1.1. Giới thiệu về Tin học và Công nghệ thông tin
- 1.2. Kiến trúc chung của máy tính điện tử
- 1.3. Nguyên lý Von Neuman
- 1.4. Bộ nhớ
- 1.5. Các thiết bị vào - ra
- 1.6. Bộ xử lý

Chương 2: Hệ điều hành

- 2.1. Chức năng và sự phát triển của hệ điều hành
- 2.2. Hệ điều hành MS Windows
 - 2.2.1. Giao tiếp với MS Windows
 - 2.2.2. Quản trị tệp và thư mục
 - 2.2.3. Giới thiệu về một số kỹ năng nâng cao
- 2.3. Giới thiệu hệ điều hành Unix và Linux

Chương 3: Phần mềm Microsoft Office

- 3.1. Phần mềm soạn thảo văn bản MS Word
 - 3.1.1. Làm quen với MS Word
 - 3.1.2. Các phương tiện soạn thảo và sửa
 - 3.1.3. Định dạng văn bản
 - 3.1.4. Bảng biểu, hình vẽ và công thức
 - 3.1.5. Định dạng trang và in ấn
- 3.2. Phần mềm bảng tính MS Excel
 - 3.2.1. Khái niệm bảng tính
 - 3.2.2. Làm quen với MS Excel

3.2.3. Các thao tác cơ bản

3.2.4. Xử lý dữ liệu

3.2.5. Tính toán trên bảng

3.2.6. Biểu đồ và hình vẽ

3.3. Phần mềm trình diễn MS PowerPoint

3.3.1. Phần mềm trình diễn MS PowerPoint

3.3.2. Các thao tác cơ bản với slide

3.3.3. Sử dụng MS Power Point với MS Excel

3.3.4. Làm việc với slide master

3.3.5. Chế độ slide show

Chương 4: Internet

4.1. Các khái niệm cơ bản về Internet

4.2. Thư điện tử (E-mail)

4.3. Trình duyệt web tìm kiếm thông tin trên web

11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Tên học phần: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1, 2

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 05

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp sinh viên nắm vững kỹ thuật và phương pháp tập luyện các môn thể thao theo nội dung chương trình, phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, bảo vệ và tăng cường sức khỏe, phòng chống bệnh tật, nâng cao khả năng học tập và lao động phục vụ xã hội, góp phần hình thành nên những phẩm chất, ý chí như lòng dũng cảm, tính tự tin, kiên trì vượt khó, ý thức tổ chức kỷ luật.

7. Mô tả môn học

Thực hiện theo Quyết định số: 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 09 năm 1995 và Quyết định số: 1312/GD-ĐT ngày 12 tháng 04 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và các qui định của nhà trường.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

8.2. Tài liệu tham khảo:

9. Đánh giá học phần

10. Nội dung chi tiết học phần

12. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

1. Tên học phần: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

2. Mã số học phần: QP1814

3. Số tín chỉ: 08

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7. Mô tả môn học

Nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

8.2. Tài liệu tham khảo:

9. Đánh giá học phần

10. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: Đường lối quân sự của Đảng

- Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc;
- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân;
- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh;
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh

- Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ;
- Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao;
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng;
- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo;
- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;
- Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Phần 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

- Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp;
- Sử dụng bản đồ địa hình quân sự;
- Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ;
- Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn;
- Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh;
- Tàng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự;
- Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

13. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

1. Tên học phần: MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp người học biết được sự tác động qua lại giữa môi trường và con người. Môn học chú trọng vai trò của con người trong việc sử dụng tài nguyên để sinh sống và phát triển, đồng thời hoạt động của con người còn gây cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Con người có khả năng hạn chế dân số, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

7. Mô tả môn học

Học phần Môi trường và Con người bao gồm bao gồm 12 chương được chia làm 3 phần chính. Phần đầu là các kiến thức cơ bản về mối liên hệ giữa môi trường và sinh vật, trong đó có con người. Phần hai đề cập việc sử dụng tài nguyên để thỏa mãn các nhu cầu của con người. Phần ba liên quan tới vấn đề ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Vũ Quang Mạnh-Hoàng Duy Chúc- *Môi trường và con người*- NXB Đại học Sư phạm Thái Nguyên 2011

8.2. Sách tham khảo:

[2] Võ Văn Minh- *Giáo trình Môi trường và con người*- NXB Đại học Đà Nẵng 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Mở đầu

- 1.1. Giới thiệu môn học
- 1.2. Nhiệm vụ (Đối tượng) môn học
- 1.3. Mối tương tác vấn đề dân số - tài nguyên - môi trường

Chương 2: Nhân tố sinh thái và quần thể sinh vật

- 2.1. Nhân tố sinh thái
- 2.2. Quần thể sinh vật
- 2.3. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái
- 2.4. Thích nghi của sinh vật

Chương 3: Quần xã sinh vật và hệ sinh thái

- 3.1. Quần xã sinh vật
- 3.2. Hệ sinh thái

Chương 4: Hệ sinh thái và con người

- 4.1. Vị trí con người trong hệ sinh thái
- 4.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người
- 4.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái

Chương 5: Dân số học và phát triển dân số

- 5.1. Dân số học
- 5.2. Phát triển dân số

Chương 6: Tài nguyên đất

6.1. Sự thành lập đất

6.2. Các loại đất

6.3. Tài nguyên đất

6.4. Xói mòn đất

6.5. Bảo tồn đất

Chương 7: Tài nguyên nước

7.1. Tài nguyên nước toàn cầu

7.2. Tình hình sử dụng nước

7.3. Vấn đề của tài nguyên nước

7.4. Quản trị tài nguyên nước

7.5. Bảo tồn nước

Chương 8: Tài nguyên khoáng sản và năng lượng

8.1. Tài nguyên khoáng sản

8.2. Tài nguyên năng lượng

Chương 9: Tài nguyên lương thực - thực phẩm

9.1. Các hệ thống nông nghiệp thế giới

9.2. Các vấn đề của lương thực – thực phẩm

9.3. Gia tăng sản xuất lương thực – thực phẩm

Chương 10. Tài nguyên sinh học

10.1. Tài nguyên rừng

10.2. Tài nguyên sinh vật hoang dã

Chương 11. Các nhu cầu khác của con người

11.1. Nhu cầu nhà ở và quần áo

11.2. Nhu cầu đi lại

11.3. Nhu cầu văn hóa và xã hội

11.4. Xã hội công nghiệp và tác động lên sinh quyển

Chương 12. Ô nhiễm và bảo vệ môi trường

12.1. Ô nhiễm đất và hậu quả

12.2. Giảm thiểu ô nhiễm đất

12.3. Ô nhiễm nước và hậu quả

12.4. Giảm thiểu ô nhiễm nước

12.5. Ô nhiễm không khí và hậu quả

12.6. Giảm thiểu ô nhiễm không khí

12.7. Tình trạng môi trường hiện nay

12.8. Phương hướng và chương trình bảo vệ môi trường

II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1. KINH TẾ VI MÔ

1. Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 24 tiết; bài tập: 6 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp.

6. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh; về hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các môn học sau này.

7. Mô tả môn học

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] – Nguyễn Đại Thắng, *Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] - Vũ Kim Dũng, *Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2006.

[3] - Vũ Kim Dũng – Nguyễn Văn Công, *Giáo trình kinh tế học tập 1*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2012

[4] – Cao Thúy Xiêm – Nguyễn Thị Tường Anh, *Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập kinh tế học vi mô*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2008.

[5] - Vũ Kim Dũng – Phạm Văn Minh, *500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

[6] – Ngô Đình Giao, *101 bài tập kinh tế học vi mô*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 1999.

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.

- Hình thức kiểm tra: Vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học

1.1. Nền kinh tế

1.2. Kinh tế học

1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu

1.4. Giới thiệu 10 nguyên lý của kinh tế học

1.5. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học

Chương 2: Lý thuyết cầu – cung

2.1. Cầu

2.2. Cung

2.3. Cân bằng thị trường

2.4. Co giãn cầu - cung

2.5. Chính sách của chính phủ

Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

3.1. Các giả thiết về sở thích người tiêu dùng

3.2 Một số khái niệm liên quan

3.3. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu

3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn tiêu dùng tối ưu

Chương 4: Lý thuyết về hành vi của doanh nghiệp

4.1. Lý thuyết về sản xuất

4.2. Lý thuyết về chi phí

4.3. Tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận

Chương 5: Thị trường – cạnh tranh và độc quyền

5.1. Tổng quan về thị trường

5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

5.3. Thị trường độc quyền

5.4. Thị trường độc quyền nhóm

5.5. Thị trường cạnh tranh độc quyền

Chương 6. Những khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ

6.1. Hiệu quả Pareto

6.2. Các khuyết tật của thị trường

6.3. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường

2. KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tên học phần: KINH TẾ VĨ MÔ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp; Kinh tế vi mô.

6. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên có được những kiến thức cơ bản về các biến số kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, việc làm, lạm phát và quan hệ kinh tế đối ngoại. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các môn học sau này.

7. Mô tả môn học

Học phần này giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Dẫn, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2007.

[3]. Nguyễn Văn Công, *Nguyên lý Kinh tế học Vĩ Mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

[4]. Nguyễn Văn Công, *Bài tập kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2011.

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.

- Hình thức kiểm tra: Vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Đại cương về kinh tế học

- 1.1. Giới thiệu Mười nguyên lý của kinh tế học
- 1.2. Khái niệm, những đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học
- 1.3. Tổ chức kinh tế của nền kinh tế hỗn hợp
- 1.4. Một số khái niệm cơ bản của kinh tế học
- 1.5. Một số quy luật kinh tế cơ bản
- 1.6. Phân tích cung - cầu

Chương 2: Khái quát về kinh tế học vĩ mô

- 2.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô
- 2.2 Hệ thống kinh tế vĩ mô
- 2.3 Mục tiêu và công cụ của nền kinh tế
- 2.4 Một số khái niệm và quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản

Chương 3: Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân

- 3.1 Tổng sản phẩm quốc dân-thước đo thành tựu của một nền kinh tế
- 3.2 Phương pháp xác định GDP
- 3.3 Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản

Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khoá

- 4.1 Tổng cầu và sản lượng cân bằng
- 4.2 Chính sách tài khoá

Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ

- 5.1 Tiền tệ và chức năng của tiền tệ
- 5.2 Hệ thống ngân hàng và cung tiền
- 5.3 Mức cầu tiền tệ

5.4 Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu

5.5 Sự cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ

5.6. Sự phối hợp giữa hai chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ

Chương 6: Tổng cung và chu kỳ kinh doanh

6.1. Tổng cung

6.2. Chu kỳ kinh doanh

Chương 7: Thất nghiệp và lạm phát

7.1 Thất nghiệp

7.2 Lạm phát

7.3. Mối quan giữa lạm phát và thất nghiệp

Chương 8: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

8.1 Nguyên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế

8.2 Cán cân thanh toán quốc tế và hệ thống tỷ giá hối đoái

3. MARKETING CĂN BẢN

1. Tên học phần: MARKETING CĂN BẢN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết 26 tiết. Thảo luận: 4 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về Marketing; nội dung của Marketing hỗn hợp; xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường, các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như chiến lược sản phẩm và thương hiệu, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị yểm trợ bán hàng. Môn học cũng giúp sinh viên vận dụng chiến lược Marketing hỗn hợp vào trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

7. Mô tả môn học

Học phần Marketing căn bản bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Học phần gồm hai phần, phần thứ nhất là những vấn đề chung của marketing liên quan đến thị trường kinh doanh của doanh nghiệp là: thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phần thứ hai là marketing chuyên biệt thể hiện bốn chính sách đồng bộ mà doanh nghiệp có thể sử dụng để tác động lên thị trường mục tiêu của mình: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp.

8. Tài liệu học tập

[1]. Philip Kotler, *Marketing căn bản* (tài liệu dịch), NXB Lao Động – Xã Hội, Hà Nội, 2007.

[2]. Trần Minh Đạo – Phạm Hồng Hoa – Nguyễn Hoài Long, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2014.

[3]. Trần Minh Đạo, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2009

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Bản chất của Marketing

1.1. Vai trò của Marketing

1.1.1. Sự ra đời của Marketing

1.1.2. Các khái niệm cơ bản về Marketing

1.1.3. Vị trí của Marketing trong hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Quản trị Marketing

1.2.1. Quản trị Marketing là gì?

1.2.2. Các quan điểm quản trị Marketing

1.2.3. Quản trị quá trình Marketing.

Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing

2.1. Hệ thống thông tin Marketing (MIS)

2.1.1. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành hệ thống thông tin Marketing.

2.1.2. Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin Marketing.

2.2. Nghiên cứu Marketing.

2.2.1. Phát hiện vấn đề và hình thành mục tiêu nghiên cứu

2.2.2. Lập kế hoạch nghiên cứu

2.2.3. Thu thập thông tin

2.2.4. Phân tích thông tin thu được

2.2.5. Báo cáo kết quả nghiên cứu.

Chương 3: Môi trường Marketing

3.1. Hệ thống hoạt động Marketing

3.2. Môi trường Marketing

3.2.1. Môi trường Marketing là gì ?

3.2.2. Môi trường Marketing vi mô

3.2.3. Môi trường Marketing vĩ mô.

Chương 4: Hành vi của khách hàng

4.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng

- 4.1.1. Khái quát về thị trường người tiêu dùng
- 4.1.2. Hành vi mua của người tiêu dùng
- 4.1.3. Những nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới hành vi mua của người tiêu dùng.
- 4.1.4. Quá trình thông qua quyết định mua.

4.2. Thị trường các tổ chức và hành vi của người mua tổ chức

- 4.2.1. Thị trường và hành vi mua của các DNSX
- 4.2.2. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức thương mại (TCTM)
- 4.2.3. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức nhà nước.

Chương 5: Lựa chọn thị trường mục tiêu và định hướng thị trường

5.1. Đo lường và dự báo thị trường

- 5.1.1. Những khái niệm chính trong đo lường và dự báo cầu
- 5.1.2. Ước tính cầu hiện tại
- 5.1.3. Ước tính cầu tương lai.

5.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu

- 5.2.1. Khái quát chung về lựa chọn thị trường mục tiêu
- 5.2.2. Phân đoạn thị trường
- 5.2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu.

5.3. Định vị thị trường

- 5.3.1. Định vị thị trường là gì ?
- 5.3.2. Các hoạt động trọng tâm của chiến lược định vị
- 5.3.3. Các bước của tiến trình định vị.

Chương 6: Chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra marketing

6.1. Lập chiến lược và kế hoạch Marketing của công ty.

- 6.1.1. Xây dựng chiến lược kinh doanh theo quan điểm Marketing
- 6.1.2. Lập kế hoạch Marketing.

6.2. Hệ thống tổ chức Marketing.

- 6.2.1. Tổ chức theo chức năng
- 6.2.2. Tổ chức theo nguyên tắc địa lý
- 6.2.3. Tổ chức theo mặt hàng sản xuất
- 6.2.4. Tổ chức Marketing theo nguyên tắc thị trường.

6.3. Kiểm tra Marketing

- 6.3.1. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch năm
- 6.3.2. Kiểm tra khả năng sinh lời
- 6.3.3. Kiểm tra chiến lược

Chương 7: Các quyết định về sản phẩm

7.1. Hàng hóa theo quan điểm Marketing

- 7.1.1. Hàng hóa là gì ?
- 7.1.2. Cấp độ các yếu tố cấu thành đơn vị hàng hóa
- 7.1.3. Phân loại hàng hóa.

7.2. Các quyết định về nhãn hiệu hàng hóa

- 7.2.1. Nhãn hiệu và các bộ phận cấu thành
- 7.2.2. Các quyết định có liên quan đến nhãn hiệu.
- 7.2.3. Quyết định về bao gói và dịch vụ hàng hóa

7.3.1. Quyết định về bao gói

7.3.2. Quyết định về dịch vụ khách hàng.

7.4. Quyết định về chủng loại và danh mục hàng hóa

- 7.4.1. Định nghĩa về chủng loại hàng hóa
- 7.4.2. Quyết định về bề rộng của chủng loại hàng hóa
- 7.4.3. Quyết định về danh mục hàng hóa

7.5. Thiết kế và Marketing hàng hóa mới

- 7.5.1. Khái quát về hàng hóa mới
- 7.5.2. Các giai đoạn thiết kế và Marketing hàng hóa mới

7.6. Chu kỳ sống của sản phẩm

- 7.6.1. Chu kỳ sống của hàng hóa là gì ?
- 7.6.2. Các giai đoạn trong chu kỳ sống của hàng hóa.

Chương 8: Các quyết định về giá

8.1. Những vấn đề chung về giá

8.1.1. Giá cả là gì ?

8.1.2. Chiến lược giá

8.2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá

8.2.1. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp

8.2.2. Những yếu tố bên ngoài doanh nghiệp

8.3. Xác định mức giá.

Chương 9: Các quyết định về phân phối hàng hóa

9.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối

9.1.1. Định nghĩa về kênh phân phối

9.1.2. Vai trò của trung gian thương mại - thành viên kênh

9.1.3. Chức năng của các thành viên của kênh phân phối.

9.2. Cấu trúc và tổ chức kênh

9.2.1. Cấu trúc kênh phân phối

9.2.2. Tổ chức và hoạt động của kênh

9.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối

9.3.1. Các căn cứ lựa chọn kênh phân phối

9.3.2. Quản lý kênh phân phối.

9.4. Quyết định phân phối hàng hóa vật chất

9.4.1. Bản chất của phân phối hàng hóa vật chất

9.4.2. Mục tiêu của phân phối vật chất

9.4.3. Các quyết định phân phối vật chất.

9.5. Marketing của các tổ chức bán buôn và bán lẻ

9.5.1. Marketing của các tổ chức bán lẻ

9.5.2. Marketing của các tổ chức bán buôn.

Chương 10: Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp

10.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp (truyền thông Marketing).

10.1.1. Bản chất của xúc tiến hỗn hợp

10.1.2. Các mối liên hệ trong quá trình truyền thông.

10.2. Các bước chung của hoạt động truyền thông Marketing

10.2.1. Xác định người nhận tin

10.2.2. Xác định các trạng thái liên quan đến việc mua của người nhận tin

10.2.3. Lựa chọn phương tiện truyền thông

10.2.4. Lựa chọn và thiết kế thông điệp

10.2.5. Tạo độ tin cậy của nguồn tin

10.2.6. Thu nhận thông tin phản hồi.

10.3. Xác định hỗn hợp xúc tiến và ngân sách dành cho truyền thông.

10.3.1. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp (truyền thông)

10.3.2. Xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông.

10.4. Những quyết định liên quan đến từng công cụ xúc tiến hỗn hợp.

4. KINH TẾ LƯỢNG

1. Tên học phần: KINH TẾ LƯỢNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng.

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng xây dựng được các mô hình kinh tế lượng và đọc được kết quả của các báo cáo khoa học có sử dụng kinh tế lượng để ước lượng, kiểm định, phân tích và dự báo các mô hình hiện tượng kinh tế.

7. Mô tả môn học

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Quang Dong, *Bài giảng Kinh tế lượng*, NXB Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Quang Dong, *Bài tập Kinh tế lượng*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2006

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.
- Hình thức kiểm tra: Vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các khái niệm cơ bản của mô hình hồi quy hai biến

- 1.1. Phân tích hồi quy
- 1.2. Bản chất và nguồn số liệu cho phân tích hồi quy
- 1.3. Mô hình hồi quy tổng thể
- 1.4. Sai số ngẫu nhiên và bản chất
- 1.5. Hàm hồi quy mẫu.

Chương 2. Ước lượng và kiểm định giả thiết trong mô hình hai biến

- 2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất.
- 2.2. Các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất.
- 2.3. Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất
- 2.4. Hệ số r^2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu.
- 2.5. Phân bố xác suất của yếu tố ngẫu nhiên.
- 2.6. Khoảng tin cậy và kiểm tra giả thiết về các hệ số hồi quy
- 2.7. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy. Phân tích hồi quy và phương sai
- 2.8. Phân tích hồi quy và dự báo
- 2.9. Trình bày kết quả phân tích hồi quy.

Chương 3. Mô hình hồi quy nhiều biến

- 3.1. Mô hình hồi quy tuyến tính k biến
- 3.2. Các giả thiết
- 3.3. Ước lượng các tham số
- 3.4. Ma trận hiệp phương sai của các ước lượng.
- 3.5. Tính chất của các ước lượng bình phương nhỏ nhất
- 3.6. Hệ số xác định bội và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh
- 3.7. Ma trận tương quan
- 3.8. Hệ số tương quan riêng phần
- 3.9. Kiểm định giả thiết và khoảng tin cậy của các hệ số bội quy riêng – Kiểm định

T.

3.10. Kiểm định giả thiết về sự phù hợp của hàm hồi quy, phân tích phương sai

3.11. Hồi quy có điều kiện ràng buộc - Kiểm định F.

3.12. Dự báo

3.13. Một số dạng của hàm hồi quy.

Chương 4. Hồi quy với biến độc lập là biến giả

4.1. Bản chất của biến giả - mô hình trong đó biến giải thích là biến giả

4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất

4.3. Hồi quy với một biến lượng và hai biến chất

4.4. So sánh hai hồi quy

4.5. Ảnh hưởng của tương tác giữa các biến giả

4.6. Sử dụng biến giả trong phân tích mua.

Chương 5. Đa cộng tuyến

5.1. Bản chất của đa cộng tuyến

5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến hoàn hảo

5.3. Ước lượng trong trường hợp có đa cộng tuyến không hoàn hảo

5.4. Hậu quả của đa cộng tuyến

5.5. Phát hiện sự tồn tại của đa cộng tuyến

5.6. Biện pháp khắc phục.

Chương 6. Phương sai của sai số thay đổi

6.1. Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi

6.1.1 Phương sai của sai số thay đổi là gì?

6.1.2 Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi

6.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi phương sai của sai số thay đổi

6.3. Phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát

6.4. Hậu quả của phương sai của sai số thay đổi

6.5. Phát hiện phương sai của sai số thay đổi

6.6. Biện pháp khắc phục.

Chương 7. Tự tương quan

7.1. Nguyên nhân của hiện tượng tự tương quan

7.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi có tự tương quan.

7.3. Ước lượng tuyến tính không lệch tốt nhất khi có tự tương quan

7.4. Hậu quả của việc sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường khi có tự tương quan

7.5. Phát hiện có tự tương quan

7.6. Các biện pháp khắc phục

7.7. Thí dụ minh họa và so sánh các phương pháp.

Chương 8. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình

8.1. Các thuộc tính của một mô hình tốt

8.2. Các loại sai lầm chỉ định

8.3. Phát hiện những sai lầm chỉ định. Các kiểm định về sai lầm chỉ định.

5. LUẬT KINH TẾ

1. Tên học phần: LUẬT KINH TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Pháp luật đại cương.

6. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về luật kinh tế Việt Nam, đảm bảo cho sinh viên có khả năng kết hợp với những kiến thức chuyên ngành kinh tế nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

7. Mô tả môn học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Hợp Toàn, *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Những văn bản pháp luật kinh tế, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2007.

[3]. Lê Đình Vinh, *Giáo trình Luật đầu tư*, NXB Giáo dục, 2009.

[4]. Bùi Ngọc Cường – Đồng Ngọc Ba – Vũ Đăng Hải Yến, *Giáo trình Luật thương mại Tập 1*, NXB Giáo dục, 2010.

[5].]. Bùi Ngọc Cường – Đồng Ngọc Ba – Lê Đình Vinh – Đoàn Trung Kiên, *Giáo trình Luật thương mại Tập 2*, NXB Giáo dục, 2010.

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 03 bài

- Hình thức kiểm tra: Kiểm tra viết, tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Môi trường quản lý cho hoạt động kinh doanh

- 1.1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh
- 1.2. Đạo đức trong kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- 1.3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh

Chương 2: Quy chế pháp lý chung về thành lập và quản lý doanh nghiệp

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp
- 2.2. Điều kiện, thủ tục chung về thành lập doanh nghiệp
- 2.3. Đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp
- 2.4. Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp

Chương 3: Chế độ pháp lý của doanh nghiệp tư nhân và công ty

- 3.1. Chế độ pháp lý của doanh nghiệp tư nhân
- 3.2. Khái quát chung về công ty
- 3.3. Các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam
- 3.4. Các chủ thể kinh doanh khác

Chương 4: Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh khác

- 4.1. Doanh nghiệp nhà nước
- 4.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- 4.3. Hợp tác xã

Chương 5: Điều chỉnh bằng pháp luật quan hệ lao động trong doanh nghiệp

- 5.1. Quan hệ pháp luật trong DN và việc điều chỉnh các quan hệ lao động bằng pháp luật
- 5.2. Hợp đồng lao động

- 5.3. Thỏa ước lao động tập thể
- 5.4. Tiền lương
- 5.5. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi
- 5.6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất
- 5.7. Bảo hiểm xã hội
- 5.8. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động trong doanh nghiệp

Chương 6: Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại

- 6.1. Khái quát chung về hợp đồng
- 6.2. Chế độ pháp lý của hợp đồng dân sự
- 6.3. Những quy định chung về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại
- 6.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa
- 6.5. Hợp đồng cung ứng dịch vụ

Chương 7: Pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

- 7.1. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh
- 7.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại
- 7.3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân
- 7.4. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có yếu tố nước ngoài

Chương 8: Pháp luật về phá sản

- 8.1. Khái quát chung về phá sản và pháp luật phá sản
- 8.2. Những quy định chung của Luật phá sản
- 8.3. Thủ tục phá sản doanh nghiệp và Hợp tác xã

6. QUẢN TRỊ HỌC

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ HỌC

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 09)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên nắm vững được các kiến thức cơ bản về quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức; tầm quan trọng của việc xây dựng bộ máy quản trị trong một tổ chức, Giúp các sinh viên tổng hợp kiến thức các môn học kinh tế, quản trị để thiết kế các cơ cấu tổ chức quản lý trong tổ chức, xây dựng sơ đồ tổ chức, phân định các tuyến quyền hạn, các cấp quản lý, các bộ phận chức năng và xây dựng cơ chế hoạt động trong tổ chức để đạt được mục tiêu đề ra.

7. Mô tả môn học

Học phần Quản trị học bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị; Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, *Giáo trình Quản trị học*, NXB Tài chính.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Thành Hội, Phan Thăng (2005), *Quản trị học*, NXB Thống kê, Hà Nội.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan về quản trị học

1.1. Quản trị và Tổ chức

1.2. Sự cần thiết của Quản trị

1.3. Các chức năng Quản trị

1.4. Nhà Quản trị

1.5. Quản Trị: Khoa học và Nghệ thuật

1.6. Đào tạo quản trị viên

Chương 2: Lịch sử phát triển các lý thuyết quản trị

2.1. Các lý thuyết cổ điển về quản trị

2.2. Lý thuyết tâm lý xã hội trong quản trị

2.3. Lý thuyết định lượng về quản trị

2.4. Trường phái tích hợp trong quản trị

Chương 3: Môi trường quản trị

3.1. Khái niệm môi trường

3.2. Ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức

3.3. Các giải pháp quản trị bất trắc của yếu tố môi trường

Chương 4: Thông tin quản trị

4.1. Vai trò và đối tượng của thông tin trong quản trị kinh doanh

4.2. Phân loại thông tin trong quản trị kinh doanh

4.3. Nguồn thông tin

4.4. Mục tiêu và chức năng của thông tin

4.5. Nội dung và hình thức thông tin

4.6. Quá trình thông tin

4.7. Phương pháp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin

4.8. Hiệu quả của thông tin

4.9. Tổ chức và quản lý hệ thống thông tin

Chương 5: Quyết định quản trị

- 5.1. Bản chất, vai trò và chức năng của quyết định trong quản trị
- 5.2. Mục tiêu của các quyết định
- 5.3. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định
- 5.4. Nội dung và hình thức của các quyết định
- 5.5. Tiến trình ra quyết định
- 5.6. Phương pháp và nghệ thuật ra quyết định
- 5.7. Phẩm chất cá nhân cần thiết cho việc ra quyết định
- 5.8. Tổ chức thực hiện và kiểm soát các quyết định

Chương 6: Hoạch định

- 6.1. Khái niệm và mục đích của hoạch định
- 6.2. Phân loại hoạch định
- 6.3. Mục tiêu: Nền tảng của hoạch định
- 6.4. Hoạch định chiến lược
- 6.5. Hoạch định tác nghiệp
- 6.6. Tổ chức, điều hành và kiểm soát trong công tác hoạch định

Chương 7: Tổ chức

- 7.1. Khái niệm và mục tiêu của chức năng tổ chức
- 7.2. Tầm hạn quản trị
- 7.3. Phương pháp phân chia bộ phận trong cơ cấu tổ chức
- 7.4. Cơ cấu tổ chức quản trị
- 7.5. Quyền hạn và ủy quyền trong quản trị

Chương 8: Lãnh đạo

- 8.1. Lãnh đạo và yếu tố con người trong quản trị
- 8.2. Các lý thuyết về động cơ và động viên tinh thần làm việc của nhân viên
- 8.3. Các phong cách lãnh đạo
- 8.4. Lựa chọn phương pháp lãnh đạo và sử dụng nhân viên thích hợp
- 8.5. Quản trị thay đổi và xung đột

Chương 9: Kiểm tra

- 9.1. Tiến trình kiểm tra
- 9.2. Các hình thức kiểm tra
- 9.3. Các nguyên tắc kiểm tra

7. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Võ Văn Nhị - Mai Thị Hoàng Minh: *Nguyên lý kế toán*; NXB Thống kê, 2007.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Đoàn Quang Thiệu: *Nguyên lý kế toán*; NXB Tài chính, 2010.

[3]. Phạm Thành Long – Trần Văn Thuận – Phạm Quang – Trần Quý Biên: *Nguyên lý kế toán*; NXB Giáo dục, 2009.

[4]. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*

[5]. *Luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện*

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN

1.1. Định nghĩa và quá trình hình thành phát triển của kế toán.

1.1.1. Một số định nghĩa kế toán được thừa nhận rộng rãi.

1.1.2. Định nghĩa kế toán theo Luật kế toán.

1.1.3. Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của kế toán.

1.2. Đối tượng của kế toán.

1.2.2. Nguồn vốn kinh doanh.

1.2.3. Sự vận động của tài sản, nguồn vốn.

1.2.4. Quá trình hoạt động của đơn vị kinh tế cơ sở.

1.3. Chức năng của kế toán:

1.3.1. Chức năng phản ánh.

1.3.2. Chức năng giám đốc.

1.4. Nhiệm vụ cơ bản của kế toán.

1.5. Các khái niệm và nguyên tắc kế toán.

1.5.1. Các khái niệm.

1.5.2. Các nguyên tắc kế toán.

1.6. Yêu cầu của thông tin kế toán.

1.7. Hệ thống các phương pháp kế toán.

1.7.1. Phương pháp chứng từ kế toán.

1.7.2. Phương pháp tính giá.

1.7.3. Phương pháp đối ứng tài khoản.

1.7.4. Phương pháp tổng hợp và cân đối.

1.8. Vai trò của kế toán.

1.8.1. Đối với Nhà nước.

1.8.2. Đối với doanh nghiệp.

Chương 2: CHỨNG TỪ KẾ TOÁN VÀ KIỂM KÊ

2.1. Chứng từ kế toán

2.1.1. Khái niệm chứng từ kế toán và tác dụng của chứng từ kế toán.

2.1.2. Các yếu tố cơ bản của chứng từ kế toán.

2.1.3. Phân loại chứng từ kế toán.

2.1.4. Trình tự xử lý chứng từ kế toán.

2.2. Kiểm kê.

2.2.1. Khái niệm.

2.2.2. Các loại kiểm kê.

2.2.3. Phương pháp tiến hành kiểm kê.

2.2.4. Vai trò của kế toán trong kiểm kê.

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN

3.1. Tài khoản và phương pháp đối ứng tài khoản.

3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán.

3.1.2. Kết cấu của tài khoản kế toán.

3.1.3. Hệ thống tài khoản kế toán.

3.1.4. Phân loại tài khoản kế toán.

3.1.5. Đối chiếu số liệu ghi chép trong các tài khoản kế toán.

3.2. Ghi sổ kép.

3.2.1. Một số khái niệm.

3.2.2. Các loại định khoản kế toán.

- 3.2.3. Nguyên tắc định khoản kế toán.
- 3.3. Kế toán tổng hợp - Kế toán chi tiết.
 - 3.3.1. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích.
 - 3.3.2. Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.
 - 3.3.3. Mối quan hệ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

- 4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc tính giá các đối tượng kế toán.
 - 4.1.1. Khái niệm.
 - 4.1.2. Ý nghĩa của phương pháp tính giá.
- 4.2. Các nguyên tắc kế toán và những nhân tố chi phối đến việc tính giá các đối tượng kế toán.
 - 4.2.1. Các nguyên tắc kế toán.
 - 4.2.2. Các nhân tố chi phối đến việc tính giá các đối tượng kế toán.
- 4.3. Tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu.
 - 4.3.1. Tính giá tài sản cố định.
 - 4.3.2. Tính giá hàng tồn kho.

Chương 5: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU

- 5.1. Những vấn đề chung về các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- 5.2. Kế toán quá trình mua hàng (cung cấp).
- 5.3. Kế toán quá trình sản xuất.
- 5.4. Kế toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 6: SỐ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN

6.1. Sổ kế toán.

6.2. Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán.

6.3. Các hình thức kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp Việt Nam.

6.3.5. Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

Chương 7: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP – CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.

7.2. Bảng cân đối kế toán (Bảng tổng kết tài sản).

7.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.4. Mối quan hệ giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với bảng cân đối kế toán

8. VẼ KỸ THUẬT

1. Tên học phần: VẼ KỸ THUẬT

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần Vẽ kỹ thuật nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về phép chiếu thẳng góc để xây dựng đồ thức của các đối tượng hình học và giải các bài toán hình học trên mặt phẳng; Nắm được các tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật. Xây dựng được hình biểu diễn của vật thể và đọc được bản vẽ vật thể; Sử dụng được phần mềm AUTO CAD để xây dựng được bản vẽ kỹ thuật.

7. Mô tả môn học

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt, hình chiếu trục đo, quy ước ren, bánh răng, Ố lặn...

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính

[1]. Trần Hữu Quế (chủ biên) - Đặng Văn Cứ - Nguyễn Văn Tuấn, *Vẽ kỹ thuật cơ khí T1*, NXB Giáo dục, 2010

[2]. Trần Hữu Quế (chủ biên) - Đặng Văn Cứ - Nguyễn Văn Tuấn, *Vẽ kỹ thuật cơ khí T2*, NXB Giáo dục, 2008

[3]. Phạm Văn Đông, Nguyễn Hồng Sơn, Chu Anh Tuấn, Vũ Thị Như Uyên, *Giáo trình AutoCAD*, NXB Khoa học-KT, 2012

8.2. Sách tham khảo

[4]. Vũ Hoàng Thái, *Hình học hoạ hình*, NXB Giáo dục, 2008

[5]. Vũ Hoàng Thái, *Bài tập hình học hoạ hình*, NXB Giáo dục, Hà Nội 2009

[6]. PGS Trần Hữu Quế - GVC Nguyễn Văn Tuấn, *Bài tập vẽ kỹ thuật cơ khí Tập 1, T2*, NXB Giáo dục, Hà Nội 2009

[7]. Nguyễn Hải Hưng, *Giáo trình Giáo trình Autocad 2D* - ĐH Quốc gia Hà Nội, 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Bài tập lớn
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

10. Nội dung chi tiết môn học

Phần 1. Hình học họa hình

Bài mở đầu: Mục đích nội dung môn học, các phép chiếu

Chương 1: Điểm

1.1. Đồ thức của một điểm

1.1.1 Trong hệ thống 2 mặt phẳng hình chiếu

1.1.2 Trong hệ thống 3 mặt phẳng hình chiếu

1.2. Cách chuyển từ tọa độ để các thẳng góc sang đồ phức

Chương 2: Đường thẳng

2.1. Đồ thức của đường thẳng

2.2. Vết của đường thẳng

2.3. Các đường thẳng đặc biệt

2.4. Điểm thuộc đường thẳng

2.5. Độ lớn nhất của đường thẳng và góc của nó với các mặt phẳng hình chiếu

2.6. Vị trí tương đối của hai đường thẳng

Chương 3: Mặt phẳng

- 3.1. Đồ thức của mặt phẳng
- 3.2. Vết của mặt phẳng
- 3.3. Các mặt phẳng đặc biệt
- 3.4. Đường thẳng và điểm thuộc mặt phẳng
- 3.5. Các đường thẳng đặc biệt của mặt phẳng
- 3.6. Vị trí tương đối của hai mặt phẳng
- 3.7. Vị trí tương đối của đường thẳng và mặt phẳng

Chương 4: Đường cong đa diện mặt cong

- 4.1. Đường cong
- 4.2. Đa diện và mặt cong
 - 4.2.1. Khái niệm về đa diện , biểu diễn đa diện , điểm thuộc đa diện
 - 4.2.2. Khái niệm về mặt cong, biểu diễn mặt cong, điểm thuộc mặt cong

Chương 5: Giao của mặt phẳng với các mặt

- 5.1. Giao của mặt phẳng với đa diện
- 5.2. Giao của mặt phẳng với mặt cong

Chương 6: Giao của đường thẳng với các mặt

- 6.1. Giao của đường thẳng với đa diện
- 6.2. Giao của đường thẳng với mặt cong

Chương 7: Giao của hai mặt

- 7.1. Giao của hai đa diện
- 7.2. Giao của đa diện với mặt cong
- 7.3. Giao của hai mặt cong

Phần 2: Vẽ kỹ thuật

Chương 8: Các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ

- 8.1. Giới thiệu môn học dụng cụ vẽ tài liệu tham khảo
- 8.2. Giới thiệu về tiêu chuẩn
- 8.3. Khổ giấy khung bản vẽ khung tên
- 8.4. Tỷ lệ của bản vẽ
- 8.5. Các nét vẽ
- 8.6. Chữ viết trên bản vẽ
- 8.7. Ghi kích thước

Chương 9: Vẽ hình học

- 9.1. Cách chia một số đối tượng hình học
- 9.2. Cách vẽ nối tiếp
- 9.3. Cách vẽ một số đường cong

Chương 10: Hình chiếu thẳng góc

- 10.1. Các hình chiếu cơ bản
- 10.2. Hình chiếu phụ
- 10.3. Hình chiếu riêng phần
- 10.4. Cách vẽ hình chiếu và cách ghi kích thước vật thể

Chương 11: Hình chiếu trục đo

- 11.1. Khái niệm và phân loại hình chiếu trục đo
- 11.2. Hình chiếu trục đo vuông góc đều
- 11.3. Hình chiếu trục đo đứng cân

11.4. Cách quy ước khi vẽ hình chiếu trục đo

11.5. Cách chọn loại hình chiếu trục đo

11.6. Cách vẽ hình chiếu trục đo

Chương 12: Mặt cắt

12.1. Khái niệm về mặt cắt

12.2. Phân loại mặt cắt

12.3. Ký hiệu và quy ước về mặt cắt

Chương 13: Hình cắt

13.1. Định nghĩa hình cắt

13.2. Phân loại hình cắt

13.3. Ký hiệu và những quy định về hình cắt

13.4. Hình trích

13.5. Cắt trên hình chiếu trục đo

Phần 3 AUTOCAD

Chương 14: Giới thiệu chung

14.1. Giới thiệu Auto Cad

14.2. Các phương pháp nhập dữ liệu trong Auto Cad

14.3. Tạo dựng bản vẽ Lệnh New, Open, Limits, Units, Save

Chương 15: Các lệnh vẽ cơ bản

15.1. Các đường cơ bản: Lệnh Point, Line, Circle, Arc, Pline, Polygon, Rectang, Ellipse, Solid, Donut, Trace, Sketch, Spline

15.2. Viết chữ trên bản vẽ :Lệnh Dtext, Mtext

15.3. Các phương pháp chọn lựa đối tượng

Chương 16: Hiệu chỉnh bản vẽ

16.1. Các lệnh hỗ trợ khi vẽ: Lệnh Osnap, Snap, Grip, Ortho

16.2. Tẩy xóa hình vẽ : Lệnh Erase,OOPS, Undo,Redo

16.3. Sao chép và di chuyển: Lệnh Move, Rotate, Stretch, Scale, Copy, Array, Mirror

16.4. Cắt tỉa thay đổi hình: Lệnh Break, Trim, Extend, Fillet, Chamfer, Offset, Divide, Measure , Pedit,Change

16.5. Các lệnh thăm tra: Lệnh List, Dblist, ID,Dít,Area

16.6. Các lệnh điều kiện màn hình: Lệnh Zoom, Pan,View

Chương 17: Lớp và đặc tính

17.1. Khái niệm về lớp

17.2. Tạo một lớp và các đặc tính cho lớp: Lệnh Layer

Chương 18: Gạch mặt cắt

18.1. Vẽ mặt cắt: Lệnh B hatch

18.2. Hiệu chỉnh mặt cắt :Lệnh Hatchedit

Chương 19: Ghi kích thước trên bản vẽ

19.1. Các khái niệm cơ bản khi ghi kích thước

19.2. Trình tự ghi kích thước

19.2.1. Định giá trị các biến kích thước

19.2.2. Tạo kiểu kích thước

19.2.3. Các lệnh ghi kích thước

10. CƠ HỌC ỨNG DỤNG

1. Tên học phần: **CƠ HỌC ỨNG DỤNG**

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính toán động học, giải các bài toán về ma sát trong các khớp động và cân bằng máy cũng như những kiến thức về cơ học vật rắn biến dạng trên cơ sở đó ứng dụng các kiến thức này vào việc giải quyết các bài toán phân tích và tổng hợp cơ cấu, tính toán thiết kế các chi tiết máy và kết cấu cơ bản.

7. Mô tả môn học

Học phần Cơ học ứng dụng bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Những vấn đề cơ bản về phân tích cấu trúc động học, động lực học cơ cấu máy; những kiến thức về 4 dạng biến dạng cơ bản: kéo (nén), cắt, xoắn, uốn và sự kết hợp của các dạng biến dạng này; ứng dụng trong thiết kế các chi tiết máy dùng chung; thiết kế một số chi tiết máy trong kỹ thuật.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính

[1]. GS.TSKH ĐỖ Sanh, *Cơ học kỹ thuật T1*, NXB Giáo dục, 1999

[2]. GS.TSKH ĐỖ Sanh, *Cơ học kỹ thuật T2*, NXB Giáo dục, 1999

8.2. Sách tham khảo

[3]. ĐỖ Sang (chủ biên) Nguyễn Văn Đình - Nguyễn Nhật Lệ, *Bài tập cơ học-T1 (Tĩnh học và Động học)*, NXB Giáo dục, 2010

[4]. GS.TS. ĐỖ Sanh (chủ biên) - Nguyễn Văn Đình - Nguyễn Văn Khang, *Cơ học - T1 (Tĩnh học & động lực)*, NXB Giáo dục, 2010

[5]. Bạch Thành Công, *Giáo trình cơ học*, NXB Giáo dục, 2009

[6]. GS.TS. Đỗ Sanh (chủ biên), *Cơ học - T2 (Động lực học)*, NXB Giáo dục, 2010

[7]. GS.TS. Đỗ Sanh (chủ biên), *Bài tập cơ học-T2 (Động lực học)*, NXB Giáo dục, 2009

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi học phần: tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Phần I. Động học và động lực học cơ cấu máy

Chương 1: Cơ cấu phẳng

1. Khái niệm cơ bản về cơ cấu
2. Cơ cấu 4 khâu phẳng
3. Cơ cấu đối tiếp phẳng
 - 3.1. Cơ cấu cam
 - 3.2. Cơ cấu Mant
 - 3.3. Cơ cấu bánh răng phẳng
 - 3.4. Hệ bánh răng phẳng

Chương 2. Ma sát trong cơ cấu và máy

1. Khái niệm và phân loại ma sát
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Phân loại
2. Ma sát trượt khô
 - 2.1. Khái niệm về ma sát trượt khô
 - 2.2. Định luật Culông

- 2.3. Nguyên nhân của ma sát trượt khô
- 2.4. Hiện tượng tự hãm
- 3. Tính ma sát trong khớp động
 - 3.1. Ma sát trong khớp tịnh tiến
 - 3.2. Ma sát trong khớp quay
 - 3.3. Ma sát trong ổ chạy
 - 3.4. Ma sát trên dây đai
- 4. Ma sát lăn
 - 4.1. Khái niệm
 - 4.2. Nguyên nhân của ma sát lăn
 - 4.3. Điều kiện lăn
- 5. Hiệu suất
 - 5.1. Khái niệm chung về hiệu suất
 - 5.2. Hiệu suất của một chuỗi khớp động
 - 5.2.1. Hiệu suất của chuỗi động nối tiếp
 - 5.2.2. Hiệu suất của chuyển động song song
 - 5.2.3. Hiệu suất của chuyển động hỗn hợp

Chương 3: Cân bằng máy

- 1. Đặt vấn đề
- 2. Cân bằng tĩnh
 - 2.1. Cách tính cân bằng tĩnh
 - 2.2. Phương pháp thực nghiệm tính cân bằng tĩnh
- 3. Cân bằng động
 - 3.1. Cơ sở tính cân bằng động
 - 3.2. Tính cân bằng động bằng phương pháp chia lực
- 4. Cân bằng tĩnh cơ cấu máy

Phần II. Cơ học vật rắn biến dạng

Chương 4: Những khái niệm mở đầu

1. Mô hình vật rắn biến dạng

1.1. Mô hình vật lý

1.2. Mô hình hình học

2. Đặc trưng hình học

2.1. Mômen diện tích cấp 1

2.2. Mômen diện tích cấp 2

2.3. Ví dụ

3. Các loại biến dạng cơ bản.

3.1. Xác định nội lực

3.2. Các loại biến dạng cơ bản

4. Ứng suất

4.1. Định nghĩa

4.2. Liên hệ giữa ứng suất và nội lực

Chương 5: Kéo (nén) đúng tâm

1. Lực dọc và biểu đồ lực dọc

2. Ứng suất và biến dạng

2.1. Ứng suất

2.2. Biến dạng

3. Khái niệm về trạng thái ứng suất

3.1. Khái niệm

3.2. Trạng thái ứng suất đơn

3.3. Trạng thái ứng suất phẳng

4. Tính chất cơ học của vật liệu

4.1. Thí nghiệm kéo, nén vật liệu dẻo

4.2. Thí nghiệm kéo, nén vật liệu dòn

5. Tính toán về kéo (nén) đúng tâm

6. Bài toán siêu tĩnh

7. Ví dụ ứng dụng

7.1. Tính mối ghép ren siết chặt

7.2. Tính truyền động đai

Chương 6: Cắt và đập

1. Cắt

1.1. Ứng suất và biến dạng cắt

1.2. Định luật Húc về cắt

1.3. Điều kiện bền về cắt

2. Đập

3. Ví dụ ứng dụng

3.1. Tính mối ghép đinh tán

3.2. Tính mối ghép then, chốt

Chương 7. Xoắn thuần túy thanh thẳng

1. Khái niệm chung

1.1. Định nghĩa

1.2. Biểu đồ mômen xoắn nội lực

2. Ứng suất trên mặt cắt ngang (giới thiệu về công thức)

3. Tính toán về xoắn

4. Ví dụ ứng dụng

Chương 8. Uốn ngang phẳng thanh thẳng

1. Khái niệm chung

1.1. Định nghĩa

1.2. Biểu đồ nội lực

2. Uốn thuần túy thanh thẳng

2.1. Công thức tính ứng suất

2.2. Phân bố ứng suất trên mặt cắt ngang

2.3. Tính toán về uốn thuần túy

2.4. Biến dạng

3. Uốn ngang phẳng

3.1. Ứng suất

3.2. Giới thiệu các thuyết bền

3.3. Tính toán về uốn ngang phẳng

3.4. Biến dạng

4. Ví dụ ứng dụng

11. ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ THUẬT

1. Tên học phần: ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ THUẬT

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết 36 tiết; Thảo luận: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Phát triển nhận thức nghề nghiệp cho cán bộ kỹ thuật tương lai Giúp sinh viên mới vào trường nhanh chóng nắm bắt các kỹ năng học tập trong lĩnh vực kỹ thuật Truyền đạt các khái niệm cơ bản về phân tích thiết kế, giao tiếp kỹ thuật và đạo đức nghề nghiệp Giúp sinh viên làm quen với cách thức học tập giao tiếp.

7. Mô tả môn học

Học phần đại cương về kỹ thuật giới thiệu cho sinh viên năm đầu các khái niệm căn bản: các ngành nghề kỹ thuật; chức năng và yêu cầu của cán bộ kỹ thuật; cách giải quyết các vấn đề kỹ thuật; căn bản về máy vi tính và sử dụng máy vi tính trong kỹ thuật; giao tiếp trong kỹ thuật và làm việc nhóm; đạo đức nghề nghiệp; bài học từ các sai sót....

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bài giảng “Đại cương về Kỹ thuật”

8.2- Sách tham khảo:

[2]. Kalpakjian,Serope; Schmid,Steven R, Manufacturing engineering and technology, Prentice Hall 2010

[3] Meriam,J.L.; Kraige,L.G., Engineering mechanics, Wiley 2012

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi học phần: tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: Môi trường đào tạo kỹ thuật

Chương 1: Tìm hiểu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu môn học và ngành kỹ thuật

1.1.1. Những thành tựu kỹ thuật thế kỷ 20

1.1.2. Khái niệm về kỹ thuật

1.1.3. Các công việc chính của kỹ sư

1.1.4. Lợi ích và cơ hội nghề nghiệp

1.2. Khái niệm về kỹ thuật

1.2.1. Kỹ thuật với vai trò khoa học ứng dụng

1.2.2. Kỹ thuật với vai trò sáng tạo và giải quyết vấn đề

1.2.3. Kỹ thuật với chức năng tối ưu hóa

1.2.4. Kỹ thuật với chức năng ra quyết định

1.2.5. Kỹ thuật với chức năng giúp đỡ người khác

1.2.6. Kỹ thuật với chức năng nghề nghiệp

Chương 2: Nghề nghiệp

2.1. Các nghề nghiệp kỹ thuật

2.1.1. Tính sẵn có của nghề nghiệp

2.1.2. Giới thiệu các nghề kỹ thuật

2.1.3. Kỹ sư trong công nghiệp

2.1.4. Kỹ sư trong dịch vụ

2.1.5. Kỹ sư trong lãnh đạo

2.1.6. Các lĩnh vực hoạt động khác

2.1.7. Giáo dục sư phạm kỹ thuật

2.2. Nghề nghiệp phù hợp trong kỹ thuật

2.2.1. Thế nào là phù hợp trong nghề nghiệp kỹ thuật

2.2.2. Lương trong nghề kỹ thuật

2.3. Tương lai của kỹ thuật

Chương 3: Chìa khoá học tập thành công

3.1. Khái niệm

3.2. Cách thức đạt thành công

3.2.1. Xác định mục tiêu

3.2.2. Kế hoạch thực hiện

3.2.3. Học từ thất bại

3.3. Thành công trong học tập

3.3.1. Nỗ lực

3.3.2. Hợp lý

3.3.3. Quan điểm

3.4. Các mô hình đánh giá học tập

3.4.1. Mô hình thuộc tính

3.4.2. Mô hình nghề nghiệp

3.4.3. Mô hình tâm huyết học tập

3.5. Sắp xếp thời gian

3.6. Tìm hiểu cách dạy và học bậc đại học

3.7. Học tập trên lớp

3.8. Tự học

3.9. Học nhóm

Phần 2. Giải quyết vấn đề kỹ thuật

Chương 4: Khái niệm phương pháp giải quyết vấn đề

4.1. Giới thiệu phương pháp giải quyết vấn đề

4.1.1. Các vấn đề kỹ thuật

4.1.2. Nghệ thuật và khoa học của giải quyết vấn đề kỹ thuật

- 4.1.3. Các phương pháp giải quyết vấn đề kỹ thuật
- 4.2. Cách tiếp cận mục tiêu giải quyết vấn đề kỹ thuật
 - 4.2.1. Phương pháp khoa học
 - 4.2.2. Phương pháp phân tích kỹ thuật
 - 4.2.3. Phương pháp thiết kế kỹ thuật
 - 4.2.4. Sự cần thiết của sáng tạo
- 4.3. Giới thiệu phương pháp khoa học
 - 4.3.1. Giới thiệu
 - 4.3.2. Tiến trình giải quyết vấn đề khoa học
- 4.4. Định nghĩa vấn đề
 - 4.4.1. Giới thiệu
 - 4.4.2. Các định nghĩa bao gồm và loại trừ
 - 4.4.3. Nhược điểm của định nghĩa không khoa học
- 4.5. Xây dựng giả thiết
- 4.6. Kiểm định giả thiết
- 4.7. Kết luận từ kiểm định giả thiết
- 4.8. Ví dụ

Chương 5: Phương pháp phân tích kỹ thuật

- 5.1. Giới thiệu
- 5.2. Thu thập số liệu
- 5.3. Lựa chọn phương pháp phân tích
- 5.4. Dự đoán lời giải
- 5.5. Giải quyết vấn đề
- 5.6. Kiểm tra kết quả
- 5.7. Đơn vị

5.8. Ví dụ

Chương 6: Phương pháp thiết kế kỹ thuật

6.1. Giới thiệu

6.2. Các lời giải và lựa chọn lời giải

6.3. Thực thi và đánh giá lời giải

6.4. Ví dụ

6.5. Các tham số thiết kế

12. CÁC QUÁ TRÌNH GIA CÔNG

1. Tên học phần: CÁC QUÁ TRÌNH GIA CÔNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần này nhằm giúp sinh viên làm quen với các kiến thức cơ bản về các quá trình gia công trong sản xuất công nghiệp. Hầu hết các quá trình gia công phổ biến mà sinh viên tốt nghiệp ra trường sẽ có thể gặp phải sẽ được giới thiệu trong học phần này. Hoàn thành môn học này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về ưu, nhược điểm và phạm vi ứng dụng của các máy công cụ và các loại vật liệu dùng trong gia công sản xuất.

7. Mô tả môn học

Học phần Các quá trình gia công bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Khảo sát các quá trình gia công cơ bản trong sản xuất cơ khí bao gồm các quá trình Đúc; Gia công kim loại bằng áp lực; Hàn và cắt kim loại; Gia công cắt gọt; Xử lý nhiệt; Gia công đặc biệt; lắp ráp; đồng thời quan tâm đến một số vấn đề khác như: khái niệm cơ bản trong sản xuất cơ khí, Vật liệu kim loại và phi kim loại, chất lượng của sản phẩm cũng như các khái niệm về Cơ khí hoá và tự động hoá trong sản xuất công nghiệp.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính

[1]*. Hoàng Tùng; Nguyễn Tiến Đào; Nguyễn Thúc Hà, *Cơ khí đại cương*, NXB KH&KT, Hà Nội 1998

8.2. Tài liệu tham khảo

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhập môn Các quá trình gia công cơ bản

Chương 2: Bản chất của các loại vật liệu

Chương 3: Các thuộc tính cơ và vật lý của vật liệu

Chương 4: Vật liệu Kim loại và Phi kim

Chương 5: Vật liệu Polymers và Composites

Chương 6: Các vấn đề cơ bản về đúc kim loại

Chương 7: Các quá trình đúc kim loại

Chương 8: Các quá trình định hình cho nhựa

Chương 9: Luyện kim

Chương 10: Các vấn đề cơ bản về định hình kim loại

Chương 11: Biến dạng trong định hình kim loại

Chương 12: Gia công kim loại tấm

Chương 13: Lý thuyết về gia công kim loại và Các chế độ gia công

Chương 14: Các quá trình mài

Chương 15: Các quá trình kéo cán và rèn

Chương 16: Kiểm soát chất lượng và Tự động hóa sản xuất

13. KỸ THUẬT ĐIỆN ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: **KỸ THUẬT ĐIỆN ĐẠI CƯƠNG**

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kỹ thuật điện, giúp cho sinh viên không thuộc ngành Điện có thể nắm bắt được các khái niệm cơ bản nhất về kỹ thuật điện và điện tử. Học phần này sẽ hữu ích cho sinh viên khi học tập hoặc làm việc trong lĩnh vực liên quan đến công nghệ và sản xuất công nghiệp.

7. Mô tả môn học

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên khái niệm chung về mạch điện; Dòng điện hình sin; Các phương pháp giải mạch sin không xác lập; Giới thiệu các linh kiện điện tử và mạch. Các tính chất của tiếp xúc P-N trong các diode, BJT, FET và các ứng dụng tuyến tính và phi tuyến của chúng. Các ứng dụng transistor trong thiết kế các mạch khuếch đại, mạch dao động và mạch xung. Đặc tính khuếch đại thuật toán và ứng dụng.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính

[1]. GS.TS Đặng Văn Đào - Lê Văn Doanh, *Kỹ thuật điện*, NXB Giáo dục, 2009

[2]. Đặng Văn Đào, Lê Văn Doanh, *Kỹ thuật điện*, NXB Giáo dục, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Đặng Văn Đào (Chủ biên) Lê Văn Doanh, *Bài tập kỹ thuật điện*, NXB Giáo dục, 2010

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Bài tập lớn
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

10. Nội dung chi tiết môn học

Phần 1: Kỹ thuật điện

Chương 1: Khái niệm chung về mạch điện

- 1.1. Các phần tử của mạch điện
- 1.2. Cấu trúc mạch điện
- 1.3. Các đại lượng cơ bản của mạch điện
- 1.4. Các loại phần tử của mạch
- 1.5. Hai định luật Kirchhoff

Chương 2: Dòng điện hình sin

- 2.1. Khái niệm chung về dòng điện hình sin
- 2.2. Trị hiệu dụng của dòng điện và điện áp
- 2.3. Biểu diễn hình sin bằng vector
- 2.4. Giải một số mạch đơn giản
- 2.5. Công suất trong mạch điện hình sin
- 2.6. Hệ số công suất
- 2.7. Đo công suất bằng watt kế
- 2.8. Số phức
- 2.9. Biểu diễn mạch sin bằng số phức.

Chương 3: Các phương pháp giải mạch sin xác lập

- 3.1. Khái niệm chung

3.2. Phương pháp biến đổi tương đương

3.3. Phương pháp dòng vòng

3.4. Phương pháp vòng nhánh

3.5. Phương pháp điện áp hai nút

3.6. Phương pháp xếp chồng

3.7. Phương pháp tỷ lệ

Chương 4: Mạch điện ba pha

4.1. Định nghĩa và phân loại

4.2. Hệ thống ba pha Y/Y cân bằng

4.3. Hệ thống ba pha Y/ Δ hoặc Δ/Δ cân bằng

4.4. Hệ thống ba pha Y/Y không cân bằng

4.5. Hệ thống ba pha Y/ Δ hoặc Δ/Δ không cân bằng

4.6. Hệ thống ba pha với nhiều tải song song

4.7. Hệ thống ba pha với tải là động cơ điện

Phần 2: Kỹ thuật điện tử

Chương 1: Giới thiệu về bán dẫn

1.1. Dẫn điện trong kim loại

1.2. Bán dẫn nội tại

1.3. Bán dẫn

1.4. Dòng điện khuếch tán

1.5. Dụng cụ bán dẫn

1.6. Vi mạch

Chương 2: Diode bán dẫn

- 2.1. Diode tiếp xúc p-n. Đặc tuyến V-A
- 2.2. Các mô hình diode tiếp xúc.
- 2.3. Các mạch ứng dụng diode.
- 2.4. Diode Ổn áp (Zener)

Chương 3: BJT

- 3.1 BJT- Đặc tuyến V-A và mô hình DC của BJT
- 3.2 Phân tích đồ thị mạch BJT
- 3.3 Mô hình tính hiệu nhỏ của BJT
- 3.4 Phân cực mạch khuếch đại BJT

Chương 4: FET

- 4.1 FET Đặc tuyến V-A của FET
- 4.2 Mô hình tính hiệu nhỏ của FET
- 4.3 Phân cực mạch khuếch đại BJT

Chương 5: Mạch khuếch đại transistor cơ bản

- 5.1 Mạch khuếch đại điện tử – các tính chất tổng quát.
- 5.2 Mạch khuếch đại CE và CS.
- 5.3 Mạch khuếch đại CC và CD
- 5.4 Mạch khuếch đại CB và CS

Chương 6: Mạch khuếch đại transistor nhiều tầng

- 6.1 Mạch khuếch đại nhiều tầng – các tính chất tổng quát.
- 6.2 Khuếch đại cascode.
- 6.3 Khuếch đại công suất
- 6.4 Khuếch đại vi sai

6.5 Op-Amp

14. GIAO TIẾP KINH DOANH

1. Tên học phần: GIAO TIẾP KINH DOANH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Môn học Giao Tiếp Kinh Doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Từ đó sinh viên, trên tư cách là một nhà quản trị, có thể phát triển và ứng dụng các lý thuyết và các kỹ năng đã học để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin đến nhân viên cũng như khách hàng của công ty một cách hiệu quả nhất

7. Mô tả môn học

Môn học của học phần này gồm các kiến thức cơ bản về giao tiếp kinh doanh như: đàm phán, thương lượng, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1] Guffey, Mary Elen, Essentials of Business Communication, South-Western 2010

[2] Locker, Kitty; Kaczmarek, Stephen Kyo, Business communication: Building critical skills, McGraw-Hill/Irwin

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra:
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Môn học được thiết kế gồm các chương cụ thể như sau:

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

- 1.1. Khái niệm giao tiếp trong kinh doanh
- 1.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong kinh doanh
- 1.3. Đặc điểm giao tiếp trong kinh doanh
- 1.4. Các hình thức giao tiếp trong kinh doanh
- 1.5. Các nguyên tắc giao tiếp trong kinh doanh

CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRỰC TIẾP TRONG KINH DOANH

- 2.1. Kỹ năng lắng nghe trong giao tiếp kinh doanh
- 2.2. Kỹ năng nói trong giao tiếp kinh doanh
- 2.3. Kỹ năng giao tiếp không lời trong kinh doanh

- 2.4. Kỹ năng đặt câu hỏi trong giao tiếp kinh doanh
- 2.5. Kỹ năng thuyết trình trong kinh doanh

2.6. CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP GIÁN TIẾP TRONG KINH DOANH

3.1. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại

3.2. Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản

3.2.1. Các dạng văn bản giao tiếp trong kinh doanh

3.2.2. Kỹ năng soạn thảo thư từ giao dịch trong kinh doanh

3.2.3. Kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế

3.2.4. Kỹ năng viết báo cáo trong kinh doanh

CHƯƠNG 4. THƯƠNG LƯỢNG TRONG KINH DOANH

5.1. Khái quát chung về thương lượng:

5.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của thương lượng trong KD

5.1.2. Các đặc điểm của thương lượng trong kinh doanh

5.1.3. Các dạng thương lượng trong kinh doanh

5.2. Tiến trình thương lượng

5.3. Kỹ năng đột phá thế găng trong thương lượng

CHƯƠNG 5. GIAO TIẾP TRONG NỘI BỘ TỔ CHỨC

6.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của giao tiếp nội bộ

6.2. Kỹ năng giao tiếp với cấp trên

6.3. Kỹ năng giao tiếp với cấp dưới

6.4. Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp

15. NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26; Bài tập, Thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát, rèn luyện tư duy khoa học, suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận với các học phần có liên quan. Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê; Sinh viên biết ứng dụng những kiến thức của thống kê trong tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế của ngành và doanh nghiệp. Ứng dụng kiến thức của thống kê trong nghiên cứu và quản lý kinh tế - xã hội.

7. Mô tả môn học

Học phần này trình bày những thông tin sơ lược về thống kê; Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế; Các phương thức trình bày số liệu thống kê kinh tế; Phương pháp phân tích hiện trạng của hiện tượng; Điều tra chọn mẫu; Phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian; Phương pháp phân tích chỉ số; Lý thuyết quyết định.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Trần Ngọc Phát, Trần Thị Kim Thu, *Giáo trình lý thuyết thông kê*, NXB Thống kê, 2011

[2]. Phạm Ngọc Kiểm – Nguyễn Công Nhựt, *Giáo trình lý thuyết thông kê*, NXB Giáo dục, 2008.

[3]. Ngô Thị Thuận – Phạm Vân Hùng – Nguyễn Hữu Ngoan, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế* - Trường Đại học Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Sơ lược về thống kê

- 1.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của thống kê kinh tế
- 1.2. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê kinh tế

Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế

- 2.1. Sơ đồ chung về quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế
- 2.2. Xác định đối tượng nghiên cứu và nội dung của thống kê kinh tế
- 2.3. Xây dựng hệ thống các khái niệm – chỉ tiêu kinh tế
- 2.4. Điều tra thống kê kinh tế
- 2.5. Xử lý số liệu và phân tích thống kê sơ bộ

Chương 3: Trình bày số liệu thống kê kinh tế

- 3.1. Sắp xếp số liệu và phân tổ thống kê kinh tế
- 3.2. Bảng thống kê kinh tế
- 3.3. Đồ thị thống kê kinh tế

Chương 4: Phương pháp phân tích hiện trạng của hiện tượng

- 4.1. Số tuyệt đối
- 4.2. Số tương đối
- 4.3. Số bình quân
- 4.4. Các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức

Chương 5: Điều tra chọn mẫu

5.1. Khái niệm, ý nghĩa của điều tra chọn mẫu

5.2. Nội dung cơ bản của điều tra chọn mẫu

5.3. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên

5.4. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên

Chương 6. Phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian

6.1. Khái niệm, ý nghĩa, cấu tạo của dãy số biến động theo thời gian

6.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian

6.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng

Chương 7: Phương pháp phân tích chỉ số

7.1. Khái niệm, ý nghĩa của phương pháp phân tích chỉ số

7.2. Các loại chỉ số

7.3. Phương pháp xây dựng chỉ số

7.4. Hệ thống chỉ số

Chương 8: Lý thuyết quyết định

8.1. Xác định giá trị xác suất, lợi nhuận dự đoán trong điều kiện bất định và xác định.

8.2. Sử dụng phân phối liên tục trong lý thuyết quyết định, phân tích biên

8.3. Lợi ích một tiêu chuẩn của quyết định

8.4. Phân tích cây quyết định

16. THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1. Tên học phần: **THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP**

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26; Bài tập, Thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm vững các vấn đề sau: Vai trò của thống kê trong quản lý kinh doanh của doanh nghiệp; Quá trình nghiên cứu Thống kê trong quản lý kinh doanh của doanh nghiệp; Các phương pháp thống kê để quản lý các nguồn lực, phương pháp phân tích các kết quả sản xuất kinh doanh của DN; Dự đoán ngắn hạn các chỉ tiêu của DN.

7. Mô tả môn học

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê (các mức độ của hiện tượng thống kê; điều tra chọn mẫu; tương quan hồi quy; dãy số thời gian; chỉ số trong thống kê). Các kiến thức thống kê hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. GS.TS Bùi Xuân Phong .*Thống kê và ứng dụng trong Bưu chính*, Viễn thông. Nhà xuất bản Bưu điện – 2005

[2]. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm – PGS.TS Nguyễn Công Nhựt. *Thống kê doanh nghiệp*. NXB Giáo dục, 2009

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1.1. Vai trò của Thống kê doanh nghiệp đối với quá trình quản lý doanh nghiệp

1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Thống kê doanh nghiệp

1.2.1. Đối tượng của Thống kê doanh nghiệp

1.2.2. Phạm vi nghiên cứu của Thống kê doanh nghiệp

1.3. Cơ sở khoa học của Thống kê doanh nghiệp

1.3.1. Cơ sở lý luận

1.3.2. Cơ sở phương pháp luận

1.4. Nhiệm vụ của Thống kê trong doanh nghiệp

1.5. Hệ thống chỉ tiêu Thống kê doanh nghiệp

1.5.1. Yêu cầu của hệ thống chỉ tiêu TKDN

1.5.2. Hệ thống chỉ tiêu Thống kê doanh nghiệp

CHƯƠNG II: THỐNG KÊ LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. Thống kê số lượng và sự biến động lao động của doanh nghiệp

2.1.1. Thống kê số lượng lao động của doanh nghiệp

2.1.2. Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động trong DN

2.2. Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp

2.2.1. Khái niệm và phương pháp tính NSLĐ;

2.2.2. áp dụng phương pháp chỉ số phân tích biến động NSLĐ

2.2.3. Hệ thống chỉ số phân tích biến động kết quả sản xuất của DN

2.2.4. Hệ thống chỉ số phân tích tình hình chấp hành kế hoạch sản xuất của DN

2.3. Thống kê thu nhập của lao động trong doanh nghiệp

2.3.1. Các nguồn hình thành thu nhập của lao động trong doanh nghiệp

2.3.2. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình tiền lương của lao động trong doanh nghiệp

2.3.3. Phân tích tình hình sử dụng quỹ lương của lao động sản xuất

CHƯƠNG III: THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

3.1. Khái niệm, phương pháp phân loại và đánh giá tài sản cố định

3.2. Thống kê hao mòn tài sản cố định

3.2.1. Thống kê hao mòn tài sản cố định

3.2.2. Thống kê trạng thái tài sản cố định

3.3. Thống kê biến động tài sản cố định

3.3.1. Theo dõi biến động tài sản cố định bằng phương pháp cân đối

3.3.2. Sử dụng phương pháp chỉ số phân tích biến động tài sản cố định

3.3.3. Sử dụng phương pháp chỉ số phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định

CHƯƠNG IV: THỐNG KÊ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

4.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của thống kê tài sản lưu động

4.2. Phân loại tài sản lưu động trong doanh nghiệp

4.3. Phân tích thống kê tình hình sử dụng tài sản lưu động trong doanh nghiệp

4.3.1. Phương pháp so sánh đối chiếu

4.3.2. Phương pháp chỉ số

CHƯƠNG V: THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

5.1. Một số khái niệm cơ bản cần nắm khi nghiên cứu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

5.1.1. Hoạt động sản xuất và hoạt động sản xuất kinh doanh

5.1.2. Các dạng biểu hiện kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

5.1.3. Đơn vị đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

5.2. Hệ thống chỉ tiêu đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

5.2.1. Giá trị sản xuất

5.2.2. Chi phí trung gian của doanh nghiệp

5.2.3. Giá trị gia tăng của doanh nghiệp

5.2.4. Giá trị gia tăng thuần của doanh nghiệp

5.2.5. Lợi nhuận (lãi) kinh doanh của doanh nghiệp

5.2.6. Doanh thu bán hàng

5.2.7. Doanh thu thuần

5.3. Phân tích thống kê kết quả sản xuất của doanh nghiệp

5.4. Phân tích thống kê biến động giá trị gia tăng của một doanh nghiệp

5.4.1. Phân tích biến động giá trị gia tăng

5.4.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị gia tăng của doanh nghiệp

17. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tên học phần: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Phân tích hoạt động kinh doanh là một môn học giúp cho sinh viên kinh tế hiểu sâu sắc và đánh giá đúng tình trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh hoà nhập với nền kinh tế thế giới. Từ đó đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời góp phần cung cấp kiến thức một cách toàn diện cho sinh viên ngành kinh tế.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đông Văn Đạt, *Giáo trình: Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2010.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Phạm Thành Long – Trần Văn Thuận – Phạm Quang – Trần Quý Biên: *Nguyên lý kế toán*; NXB Giáo dục, 2009.

[3]. Võ Văn Nhị - Mai Thị Hoàng Minh: *Nguyên lý kế toán*; NXB Thống kê, 2007.

[4]. Nguyễn Ngọc Quang – Phạm Thành Long – Trần Văn Thuận: *Phân tích hoạt động kinh tế*, NXB Giáo dục, 2010.

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh

1.1. Đối tượng và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh

1.2. Một số phương pháp sử dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh

1.3. Tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh

Chương 2: Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất kinh doanh

2.2. Phân tích thị trường và chiến lược sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp

2.3. Phân tích khái quát kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

2.4. Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong sản xuất của doanh nghiệp

2.5. Phân tích chất lượng sản phẩm

Chương 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh

3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố SX-KD của doanh nghiệp

3.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp

3.3. Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ

3.4. Phân tích tình hình cung cấp, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh

Chương 4: Phân tích chi phí và giá thành sản phẩm

4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm

4.2. Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí và giá thành sản xuất

4.3. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của SP hàng hoá của DN

4.4. Phân tích sự biến động giá thành theo khoản mục

Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận

- 5.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích
- 5.2. Phân tích khái quát tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá
- 5.3. Phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ
- 5.4. Phân tích tình hình tiêu thụ những mặt hàng chủ yếu
- 5.5. Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp

Chương 6: Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp

- 6.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích tình hình tài chính của DN
- 6.2. Phân tích khái quát tình hình tài chính
- 6.3. Phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính
- 6.4. Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo lưu chuyển tiền tệ

18. KHOA HỌC QUẢN LÝ

1. Mã số:
2. Tên môn học: Khoa học quản lý
3. Tổng số tín chỉ: 02
 - ♣ Số tín chỉ lý thuyết: 1,5
 - ♣ Số tín chỉ thực hành: 0,5
4. Danh sách giảng viên:
 - PGS, TS, Hồ Trọng Viện
 - PGS, TS, Nguyễn Văn Trình
 - TS, Phạm Hùng
5. Mô tả môn học: Cung cấp cho người học cơ sở hình thành môn Khoa học quản lý, trang bị những kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường.
6. Mục tiêu môn học: Sau khi học xong phần này học viên có thể vận dụng kiến thức Khoa học quản lý vào thực tiễn, đặc biệt trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN.
7. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG I

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

MÔN KHOA HỌC QUẢN LÝ

I / Quản lý và vai trò của quản lý trong đời sống xã hội

1.1- Khái niệm về quản lý

1.2- Vai trò của quản lý.

II / Đối tượng của khoa học quản lý

III / Đặc điểm của khoa học quản lý

3.1- KHQL là môn khoa học mang tính ứng dụng cao

3.2- KHQL là môn khoa học mang tính liên ngành

3.3- Quản lý vừa là khoa học vừa là nghệ thuật

3.4- KHQL là môn khoa học phát triển nhanh cả về cơ sở lý thuyết và cơ sở kỹ thuật- công nghệ .

IV / Phương pháp của khoa học quản lý .

CHƯƠNG II

KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG QUẢN LÝ

I / Vai trò của tư tưởng quản lý trong lịch sử

II / Sơ lược lịch sử ra đời, phát triển các tư tưởng quản lý

2.1- Tư tưởng quản lý trước CNTB

2.2- Tư tưởng quản lý trong CNTB

2.3- Tư tưởng quản lý Mac – Lenin

CHƯƠNG III

CHỨC NĂNG CỦA QUẢN LÝ

I / Khái quát chung về chức năng quản lý

- 1.1- Khái niệm chức năng quản lý
- 1.2- Ý nghĩa của chức năng quản lý

II / Các chức năng cơ bản của quản lý

- 2.1- Dự đoán
- 2.2- Kế hoạch hóa
- 2.3- Tổ chức
- 2.4- Động viên
- 2.5- Điều chỉnh
- 2.6- Kiểm tra
- 2.7- Đánh giá , tổng kết

CHƯƠNG IV

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ

I / Nhận thức và vận dụng quy luật- cơ sở của nguyên tắc quản lý.

II / Các nguyên tắc cơ bản của quản lý

- 2.1- Nguyên tắc tập trung dân chủ
- 2.2- Nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích
- 2.3- Sử dụng và kết hợp đồng bộ các phương pháp quản lý
- 2.4- Nắm khái quát, toàn diện tập trung xử lý khâu yếu
- 2.5- Nguyên tắc hiệu quả

CHƯƠNG V

MỤC TIÊU VÀ ĐỘNG LỰC TRONG QUẢN LÝ

I./ Khái niệm về mục tiêu và động lực trong quản lý

- 1.1- Mục tiêu quản lý
- 1.2- Động lực trong quản lý

II / Phát huy nhân tố con người trong quản lý

- 2.1- Quản lý là tác động đến con người nhằm phục vụ con người
- 2.2- Quan hệ giữa con người với con người trong hệ thống quản lý

III / Mục tiêu và động lực kinh tế trong quản lý

- 3.1- mục tiêu
- 3.2- động lực
- 3.3- mối quan hệ biện chứng giữa mục tiêu kinh tế và động lực kinh tế

CHƯƠNG VI

CÁC PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

I / Lý luận chung về phương pháp quản lý

- 1.1- khái niệm

- 1.2- Những đặc trưng cơ bản của phương pháp quản lý
- 1.3- Vai trò của phương pháp quản lý
- 1.4- Phân loại phương pháp quản lý
- II / Các phương pháp quản lý chủ yếu
- 2.1- Phương pháp tổ chức- hành chính
- 2.2- Phương pháp kinh tế
- 2.3- Phương pháp tâm lý- giáo dục
- III / Vận dụng các phương pháp quản lý trong thực tiễn
- 3.1- Một số yêu cầu về vận dụng các phương pháp quản lý
- 3.2- Vận dụng các phương pháp quản lý trong điều kiện Việt nam hiện nay

CHƯƠNG VII

CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ

- I / Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, phân loại công cụ quản lý
- 1.1- Vai trò của công cụ quản lý
- 1.2- Đặc điểm chủ yếu của các công cụ quản lý
- 1.3- Cơ cấu và phân loại các công cụ quản lý
- II / Xây dựng và vận hành các công cụ quản lý trong hoạt động kinh tế xã hội
- 2.1- Xây dựng hệ thống công cụ quản lý
- 2.2- Vận hành công cụ quản lý trong thực tiễn
- III / Đổi mới và nâng cao năng lực vận hành hệ thống công cụ quản lý ở nước ta hiện nay
- 3.1- Yêu cầu khách quan , bức thiết
- 3.2- Nội dung cơ bản của đổi mới, nâng cao hệ thống công cụ quản lý và năng lực vận hành

CHƯƠNG VIII

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

- I / Cơ sở hình thành cơ cấu tổ chức quản lý
- 1.1- Khái niệm cơ cấu tổ chức quản lý
- 1.2- Những nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức quản lý
- 1.3- Những yêu cầu cơ bản đối với cơ cấu tổ chức quản lý
- II / Các loại hình cơ cấu tổ chức quản lý cơ bản
- 2.1- Cơ cấu trực tuyến
- 2.2- Cơ cấu chức năng
- 2.3- Cơ cấu kết hợp
- 2.4- Cơ cấu theo chương trình mục tiêu
- 2.5- Cơ cấu ma trận
- III / Các giai đoạn và phương hướng xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý
- 3.1- Các giai đoạn hình thành cơ cấu tổ chức quản lý
- 3.2- Các phương pháp xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý

CHƯƠNG IX

THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

I / Khái niệm và phân loại thông tin

1.1- Khái niệm về thông tin quản lý

1.2- Phân loại thông tin quản lý

II / Đảm bảo thông tin trong hệ thống quản lý

2.1- Khái niệm và nội dung bảo đảm thông tin quản lý

2.2- Những nguyên lý về tổ chức bảo đảm thông tin quản lý

2.3- Những trở ngại trong bảo đảm thông tin quản lý

CHƯƠNG X

QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ

I / Một số vấn đề chung về quyết định quản lý

1.1- Vai trò, đặc điểm của quyết định quản lý

1.2- Yêu cầu cơ bản đối với quyết định quản lý

II / Quá trình xây dựng và ra quyết định quản lý

2.1- Những cơ sở để ra quyết định quản lý

2.2- Các bước ra quyết định quản lý

2.3- Các phương pháp ra quyết định quản lý

III / Quá trình tổ chức thực hiện quyết định quản lý

3.1- Truyền đạt quyết định

3.2- Lập kế hoạch thực hiện quyết định

3.3- Bố trí nguồn lực thực hiện quyết định

3.4- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quyết định

3.5- Điều chỉnh quyết định

3.6- Tổng kết việc thực hiện quyết định

CHƯƠNG XI

LAO ĐỘNG QUẢN LÝ

I / Khái niệm, đặc điểm, phân loại lao động quản lý

1.1- Khái niệm lao động quản lý

1.2- Đặc điểm lao động quản lý

1.3- Phân loại lao động quản lý

II / Tổ chức khoa học lao động quản lý

2.1- Yêu cầu đối với tổ chức khoa học lao động quản lý

2.2- Nội dung tổ chức khoa học lao động quản lý

CHƯƠNG XII

CÁN BỘ QUẢN LÝ

I / Vai trò của cán bộ quản lý

1.1 – Khái niệm, phân loại cán bộ quản lý

1.2 – Vai trò của cán bộ quản lý

1.3- Các yêu cầu cơ bản đối với cán bộ quản lý

II / Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý

2.1- Kế hoạch hóa đội ngũ cán bộ quản lý

2.2- Phân định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của cán bộ quản lý

- 2.3- Lựa chọn cán bộ quản lý
- 2.4- Đánh giá cán bộ quản lý
- 2.5- Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ quản lý
- 2.6- Bố trí, sử dụng cán bộ quản lý

CHƯƠNG XIII

QUẢN LÝ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

I / Khoa học, công nghệ và vai trò của nó trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước

- 1.1- Khía niệm khoa học, kỹ thuật, công nghệ
- 1.2- Vị trí, vai trò của khoa học, công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II / Quản lý khoa học, công nghệ trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước

2.1- Đặc điểm của hoạt động khoa học, công nghệ và cuộc cách mạng KH-CN hiện đại

2.2 – Nội dung quản lý KH-CN trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước

III / Vấn đề đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý KH-CN trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH ở nước ta hiện nay

- 3.1- Thực trạng về quản lý KH-CN ở nước ta hiện nay
- 3.2- Mục tiêu và phương hướng
- 3.3- nội dung nhiệm vụ chủ yếu
- 3.4- một số giải pháp lớn trong thực hiện.

8. Tài liệu tham khảo

8.1. Nguyễn Văn Hộ - Đặng Quốc Bảo, *Khái lược về khoa học quản lý*, NXB Thái Nguyên, 1997

8.2 Nguyễn Đình Hương - Mai Ngọc cường - Phan Thanh - Vận Phổ - Phạm Văn - Nguyễn Văn Công - Lê Hữu Khi- Tôn Thích Thạch - Đỗ Đức Bình - Trần Văn Sinh, *Một số công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước trong quá trình đổi mới nền kinh tế ở nước ta*, 1995.

9. Phương pháp đánh giá

- ♣ Tiểu luận : 30% tổng điểm môn học.
- ♣ Kiểm tra cuối học phần: 70% tổng điểm môn học.

19.-QUẢN LÝ KINH TẾ 1,2

Mã học phần:

1) Thông tin chung về các giảng viên dạy môn học

2) Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ: 3Loại học phần: bắt buộc

- Các học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vi mô 2, Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vĩ mô

- Học phần học trước: Lịch sử các học thuyết kinh tế, Luật Kinh tế

- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Kinh tế, Khoa Quản lý - Luật Kinh tế.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

+ Thảo luận: 18tiết

3) Mục tiêu môn học:

• Mục tiêu về kiến thức:

- Người học sẽ hiểu được các lý luận chung về kinh tế và quản lý kinh tế; vai trò và đặc điểm của kinh tế và quản lý kinh tế; các vấn đề lý luận về quản lý kinh tế;
- Người học sẽ nắm được sự phát triển của các học thuyết quản lý kinh tế từng thời kỳ. Từ đó rút ra được những bài học kinh nghiệm trong việc vận dụng các lý thuyết quản lý trong quản lý kinh tế hiện đại;
- Người học sẽ hiểu được các quy luật kinh tế có tác động tới quá trình hoạt động kinh tế và việc vận dụng các quy luật này vào trong quá trình quản lý kinh tế;
- Người học sẽ nắm được các chức năng của quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô;
- Nắm được kiến thức cốt lõi của môn học để phân tích, thảo luận và bình luận những vấn đề phức tạp liên quan đến môn học;

- Nắm được mối liên hệ của môn học với các ngành nghề khác để hiểu và tiếp tục học tập;
- Nhận biết sự thay đổi của xã hội, đặc biệt là xu hướng phát triển liên quan đến môn học, ngành học;
- Nhận biết sự thay đổi của KH&CN liên quan đến môn học.

- **Mục tiêu về kỹ năng:**

- Thông qua môn học này, người học sẽ có điều kiện thực hành kỹ năng làm việc nhóm;
- Hình thành kỹ năng vận dụng các quy luật, các nguyên tắc trong quản lý kinh tế;
- Phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề quản lý trong thực tiễn;
- Có kỹ năng thực tiễn và nghề nghiệp liên quan đến môn học và có thể phát triển được tri thức môn học trên cơ sở vận dụng kiến thức môn học, ngành học và thực tiễn;
- Có kỹ năng làm việc với người khác thông qua việc chia sẻ ý tưởng về môn học, ngành học;
- Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến ngành học, môn học;
- Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt nhưng liên quan đến môn học, ngành học; có các kỹ năng tự phát triển giữa các xu hướng thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp.

- **Mục tiêu về thái độ:**

- Nghiêm túc hoàn thành đầy đủ các yêu cầu nội dung môn học;
- Thể hiện sự yêu thích, đam mê tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học;
- Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy môn học;
- Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng;
- Có sự tự tin và tính chuyên nghiệp.

- **Các mục tiêu khác**

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;
- Người học phải tìm kiếm các ví dụ thực tiễn phục vụ cho quá trình học tập, do đó, phát triển được kiến thức thực tế;
- Phát triển kỹ năng thuyết trình;
- Phát triển năng lực tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu;
- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo;
- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá, tự phân tích, giải quyết vấn đề;
- Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm;
- Phát triển kỹ năng sử dụng và khai thác, xử lý t.liệu của ngành học có hiệu quả.

4) Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học **Quản lý kinh tế** là môn cơ sở ngành dành cho sinh viên quản lý kinh tế. Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về quản lý kinh tế như: các vấn đề chung về kinh tế, quản lý và quản lý kinh tế, các vấn đề sở hữu, sự phát triển của các thuyết quản lý kinh tế, các quy luật, cơ chế sử dụng và vận dụng các quy luật trong quản lý kinh tế. Đồng thời, môn học này cũng giới thiệu các chức năng quản lý kinh tế, đây chính là nội dung của hoạt động quản lý kinh tế trong điều hành kinh tế vĩ mô và vi mô.

5) Học liệu:

1. Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu (2005). Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế. NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Bá Dương (2012). Tâm lý học quản lý kinh tế. NXB Từ điển Bách khoa.

6) Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ KINH TẾ

(Tổng số tiết: 9; Số tiết lý thuyết: 6; Số tiết bài tập, thảo luận: 3)

1.1. Tổng quan về kinh tế

1.1.1. Khái niệm kinh tế

1.1.2. Vai trò của kinh tế

1.1.3. Sở hữu kinh tế

1.1.4. Lợi ích

1.2. Tổng quan về quản lý

1.2.1. Quản lý

1.2.2. Quản lý, lãnh đạo

1.3. Tổng quan về quản lý kinh tế

1.3.1. Quản lý kinh tế

1.3.2. Thực chất của quản lý kinh tế

1.3.3. Bản chất của quản lý kinh tế

1.3.4. Quản lý kinh tế - một diễn trình năng động

1.3.5. Đặc điểm của quản lý kinh tế

1.3.5.1. Quản lý kinh tế bao giờ cũng có chủ thể quản lý và đối tượng quản lý

1.3.5.2. Quản lý kinh tế bao giờ cũng liên quan đến việc trao đổi thông tin và đều có mối liên hệ ngược

1.3.5.3. Quản lý kinh tế có khả năng thích nghi

1.3.5.4. Quản lý kinh tế vừa là một KH, vừa là một nghề, vừa là một nghệ thuật

1.3.5.5. Quản lý kinh tế gắn với quyền lực, lợi ích và danh tiếng

1.3.6. Vai trò, chức năng, kỹ năng và niềm tin trong quản lý kinh tế

1.3.6.1. Vai trò của quản lý kinh tế

1.3.6.2. Chức năng của quản lý kinh tế

1.3.6.3. Kỹ năng quản lý kinh tế

1.3.6.4. Niềm tin quản lý

1.4. Nội dung của khoa học quản lý kinh tế

1.4.1. Cơ sở lý luận và phương pháp luận của quản lý kinh tế

1.4.2. Cơ sở tổ chức của quản lý kinh tế

1.4.3. Quá trình tiến hành hoạt động của quản lý kinh tế

1.4.4. Đổi mới các hoạt động quản lý kinh tế

Chương 2

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC HỌC THUYẾT QUẢN LÝ

(Tổng số tiết: 6; Số tiết lý thuyết: 4; Số tiết bài tập, thảo luận: 2)

2.1. Giai đoạn tiền tư bản

2.2. Giai đoạn từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời cho đến khi xuất hiện các nhà nước xã hội chủ nghĩa trước những năm 1970.

2.2.1. Trường phái cơ cấu và chế độ của hệ thống

2.2.2. Trường phái quan hệ giữa con người với con người trong hệ thống

2.2.3. Trường phái quản lý kinh tế của các nước XHCN trước đây

2.3. Giai đoạn từ đầu những năm 1970 đến nay

2.3.1. Trường phái quản lý kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa

2.3.2. Trường phái quản lý kinh tế của các nước XHCN trước đây

2.3.3. Đặc điểm của các xu hướng quản lý kinh tế hiện đại

Chương 3

VẬN DỤNG CÁC QUY LUẬT TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ, CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ KINH TẾ

(Tổng số tiết: 9; Số tiết lý thuyết: 6; Số tiết bài tập, thảo luận: 3)

3.1. Vận dụng các quy luật trong quản lý kinh tế

3.1.1. Tổng quan về quy luật

3.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của quy luật

3.1.1.2. Cơ chế sử dụng các quy luật

3.1.1.3. Các quy luật kinh tế

3.1.1.4. Cơ chế quản lý kinh tế

3.1.2. Một số quy luật chủ yếu được vận dụng trong quản lý kinh tế

3.1.2.1. Một số quy luật kinh tế chủ yếu được vận dụng trong quản lý kinh tế

3.1.2.2. Một số quy luật tâm lý trong quản lý kinh tế

3.1.2.3. Một số quy luật kinh tế khác trong quản lý kinh tế vĩ mô

3.2. Các nguyên tắc quản lý kinh tế

3.2.1. Khái niệm và yêu cầu của các nguyên tắc trong quản lý

3.2.2. Các nguyên tắc trong quản lý kinh tế vĩ mô

3.2.3. Các nguyên tắc trong quản lý kinh tế vi mô

Chương 4

CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ KINH TẾ

(Tổng số tiết:12; Số tiết lý thuyết: 8; Số tiết bài tập, thảo luận: 4)

4.1. Chức năng quản lý kinh tế theo cấp độ tác động

4.1.1. Chức năng vĩ mô trong kinh tế

4.1.2. Chức năng vi mô trong kinh tế

4.2. Các chức năng quản lý kinh tế theo phương hướng tác động

4.2.1. Chức năng quản lý kinh tế vĩ mô theo phương hướng tác động

4.2.1.1. Chức năng đối nội của quản lý kinh tế vĩ mô

4.2.1.2. Chức năng đối ngoại của quản lý kinh tế vĩ mô

4.2.2. Chức năng quản lý kinh tế vi mô theo phương hướng tác động

4.2.2.1. Chức năng đối nội của của quản lý kinh tế vi mô

4.2.2.2. Chức năng đối ngoại của của quản lý kinh tế vi mô

4.3. Chức năng quản lý kinh tế theo giai đoạn tác động

4.3.1. Chức năng quản lý kinh tế vĩ mô theo giai đoạn

4.3.1.1. Xác định phương hướng, mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

4.3.1.2. Lập chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

4.3.1.3. Xây dựng và thực hiện pháp luật về quản lý kinh tế

4.3.1.4. Tổ chức các hệ thống kinh tế trong nước hoạt động

4.3.1.5. Kiểm tra, giám sát nền kinh tế bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa

4.3.1.6. Điều chỉnh và tìm kiếm các biện pháp phát triển kinh tế, mở rộng và khai thông môi trường kinh tế đối ngoại

4.3.2. Chức năng quản lý kinh tế vi mô theo giai đoạn

4.3.2.1. Chức năng định hướng

4.3.2.2. Chức năng tổ chức

4.3.2.3. Chức năng điều hành

4.3.2.4. Chức năng kiểm tra, điều chỉnh

4.3.2.5. Đổi mới

4.4. Chức năng quản lý kinh tế theo nội dung tác động

4.4.1. Các chức năng quản lý vĩ mô theo nội dung

4.4.1.1. Chức năng quản lý nhân lực

4.4.1.2. Quản lý tiền tệ, tài chính

4.4.1.3. Quản lý khoa học và công nghệ

4.4.1.4. Quản lý các hoạt động đối ngoại

4.4.1.5. Quản lý các hoạt động của quản lý

4.4.2. Các chức năng quản lý vi mô theo nội dung

4.4.2.1. Chức năng sản xuất

4.4.2.2. Chức năng quản trị nhân lực

4.4.2.3. Chức năng quản lý tài chính

4.4.2.4. Chức năng thương mại

Chương 5: CÁN BỘ QUẢN LÝ KINH TẾ

(Tổng số tiết: 11; Số tiết lý thuyết: 8; Số tiết bài tập, thảo luận: 3)

5.1. Các khái niệm chung về cán bộ quản lý kinh tế

5.1.1. Cán bộ quản lý kinh tế

5.1.2. Nhà quản lý kinh tế

5.2. Vai trò, nhiệm vụ, vị trí của người lãnh đạo cấp cao trong quản lý kinh tế

5.2.1. Vai trò

5.2.2. Nhiệm vụ

5.2.3. Vị trí

5.3. Vai trò, nhiệm vụ, vị trí của các nhà quản lý doanh nghiệp

5.3.1. Vai trò

5.3.2. Nhiệm vụ của các nhà quản lý doanh nghiệp

5.3.3. Vị trí

5.4. Nội dung lao động của các nhà quản lý kinh tế

5.5. Các yêu cầu đối với nhà quản lý kinh tế

5.5.1. Phẩm chất chính trị

5.5.2. Năng lực tổ chức

5.5.3. Phương pháp tư duy khoa học để quan sát, phân tích và giải quyết vấn đề

5.5.4. Đạo đức công tác

5.6. Phong cách làm việc của nhà quản lý kinh tế

5.6.1. Khái niệm

5.6.2. Phong cách làm việc cơ bản

5.7. Uy tín của các nhà quản lý kinh tế

5.7.1. Khái niệm

5.7.2. Các nguyên tắc tạo lập uy tín

5.7.3. Một số quy luật tâm lý xấu dẫn đến sự hư hỏng của người lãnh đạo trong QLKT

5.8. Đánh giá cán bộ quản lý kinh tế

5.8.1. Mục đích

5.8.2. Nguyên tắc đánh giá

5.8.3. Căn cứ đánh giá

5.9. Tổ chức khoa học lao động của các nhà quản lý kinh tế

5.9.1. Đặc điểm lao động của các nhà quản lý kinh tế

5.9.2. Tổ chức khoa học lao động của nhà quản lý

5.10. Cơ sở khoa học và biện pháp sắp xếp, sử dụng các nhà quản lý kinh tế

5.10.1. Các nguyên tắc sắp xếp, sử dụng các nhà quản lý kinh tế

5.10.2. Biện pháp sắp xếp, sử dụng các nhà quản lý

20.KINH TẾ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

1. Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ 02 - Loại học phần: Tự chọn /Thay thế KLTN cho sinh viên ngành kinh tế

- Học phần tiên quyết: Kinh tế Vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1

- Các học phần học trước: Kinh tế Vi mô 2, kinh tế vĩ mô 2

- Các học phần song hành: Thương mại quốc tế, quản lý công, quản lý dự án đầu tư.

- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có)

- Bộ môn (khoa) phụ trách học phần: Bộ môn KTNN&PTNT-Khoa kinh tế

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

+ Thảo luận: 12.tiết

+ Làm bài tập :tiết

+ Thực hành, thực tập.....tiết

+ Hoạt động theo nhóm:tiết

+ Tự học: 72 giờ

2. Mục tiêu môn học

Mục tiêu về kiến thức: Giúp người học:

- Hiểu được thương mại là gì, lịch sử ra đời, phát triển, những đặc điểm và vai trò của ngành thương mại dịch vụ ở Việt Nam và quan điểm, định hướng của Nhà nước ta đối với việc phát triển thương mại.

- Hiểu được những chính sách và công cụ mà nhà nước ta dùng để khuyến khích kinh doanh và quản lý hoạt động thương mại; Hiểu được những nguyên lý cơ bản về hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ (TMDV) trong cơ chế thị trường.

- Hiểu được bản chất, vai trò của các loại hình kinh doanh và đối tượng kinh doanh trong cơ chế thị trường; Hiểu được các kỹ năng quản lý, điều hành trong hoạt động kinh doanh TMDV nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Người học không những hiểu được hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại mà còn hiểu được hoạt động thương mại của các doanh nghiệp sản xuất và chủng loại danh mục hàng hoá cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, đồng thời còn hiểu được các loại hình và vai trò quan trọng của các dịch vụ kinh doanh thương mại trong nước và thương mại quốc tế.

- Phần cuối của môn học người học được tiếp cận và tìm hiểu về các tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh thương mại.

Mục tiêu về kỹ năng:

- Thông qua lý luận về kinh tế TMDV, người học sẽ liên hệ và vận dụng vào thực tế để thấy được tầm quan trọng của TMDV.

- Người học biết vận dụng vào thực tế để làm thế nào có thể kinh doanh thành công; biết ứng xử trong các tình huống để thu hút được khách hàng trong hoạt động TMDV.

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo.

- Phát triển kỹ năng chủ động, phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tế kinh doanh thương mại dịch vụ.

Mục tiêu về thái độ:

- Nhận thức được hoàn cảnh ra đời và vai trò rất quan trọng của ngành Thương mại dịch vụ đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước

- Thấy được những mặt thuận lợi và khó khăn của ngành Thương mại dịch vụ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nâng cao kiến thức ứng xử về kinh doanh Thương mại dịch vụ.

- Xác định được mối quan hệ giữa môn học này với các môn học có liên quan và áp dụng được vào thực tế.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ.

- Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Có khả năng đưa ra được kết luận và dự đoán trước những hành vi ứng xử của các tác nhân trong nền kinh tế cũng như đưa ra được chính sách trước các biến cố kinh tế trong cuộc sống thông thường.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phân tích các chính sách, giải pháp phát triển kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học đề cập đến các nội dung: khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, làm rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, và để quản lý ngành thương mại có hiệu quả nhà nước đã sử dụng nhiều chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý khác nhau. Trong cơ chế thị trường, hàng hóa và dịch vụ là đối tượng kinh doanh dưới các loại hình kinh doanh khác nhau, để đạt được hiệu quả kinh doanh, các thương nhân luôn áp dụng các chiến lược, mục tiêu kinh doanh khác nhau. Để đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, phần cuối môn học đã đề cập đến những phương thức đánh giá hiệu quả kinh doanh, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.

5. Học liệu

[1]. Đặng Đình Đào (2003), *Giáo trình kinh tế các ngành thương mại dịch vụ*, NXB Thống kê.

[2]. James M.Comer (2005), *Quản trị bán hàng*, NXB tổng hợp TP HCM.

6. Nội dung chi tiết học phần

6.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận

Chương 1: Nhập môn Kinh tế thương mại dịch vụ

(Tổng số tiết: 2; số tiết lý thuyết 2; Số tiết thảo luận 0)

1.1 Khái niệm thương mại dịch vụ

1.2 Chức năng và nhiệm vụ của thương mại dịch vụ

1.3 Vai trò và nội dung của thương mại dịch vụ

1.4 Mục tiêu và quan điểm phát triển thương mại dịch vụ ở nước ta

1.5 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học

Chương 2: Quá trình phát triển thương mại dịch vụ ở nước ta

(Tổng số tiết: 2; số tiết lý thuyết 2; Số tiết thảo luận 0)

2.1 Thương mại dịch vụ trước cách mạng tháng 8 - 1945

2.2 Thương mại dịch vụ thời kỳ 1945 - 1954

2.3 Thương mại dịch vụ thời kỳ 1955 - 1975

2.4 Thương mại dịch vụ thời kỳ 1976 - 1986

2.5 Thương mại dịch vụ thời kỳ 1986 đến nay

Chương 3: Hệ thống quản lý Nhà nước về thương mại

(Tổng số tiết: 5; số tiết lý thuyết 2; Số tiết thảo luận 3)

3.1 Vai trò quản lý của Nhà nước đối với thương mại trong nền kinh tế thị trường

3.2 Nội dung quản lý Nhà nước về thương mại

3.3 Hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại

3.4 Các phương pháp quản lý thương mại trong nền kinh tế quốc dân

Chương 4: Chính sách và công cụ quản lý thương mại

(Tổng số tiết: 6; số tiết lý thuyết 3; Số tiết thảo luận 3)

4.1 Mục tiêu và nội dung của chính sách thương mại

- 4.2 Xu hướng chung trong chiến lược thương mại
- 4.3 Chính sách quản lý thương mại nội địa
- 4.4 Chính sách quản lý thương mại quốc tế
- 4.5 Các công cụ chủ yếu của chính sách thương mại

Chương 5: Tổ chức kinh doanh thương mại trong cơ chế thị trường

(Tổng số tiết: 3; số tiết lý thuyết 3; Số tiết thảo luận 0)

- 5.1 Kinh doanh hàng hóa trong cơ chế thị trường
- 5.2 Loại hình kinh doanh và đặc trưng của các loại hình doanh nghiệp thương mại
- 5.3 Mối quan hệ kinh tế trong thương mại

Chương 6: Hoạt động thương mại của các doanh nghiệp sản xuất

(Tổng số tiết: 3; số tiết lý thuyết 3; Số tiết thảo luận 0)

- 6.1 Tổ chức và quản lý hành vi thương mại của doanh nghiệp sản xuất
- 6.2 Dự trữ sản xuất ở doanh nghiệp
- 6.3 Tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp

Chương 7: Dịch vụ thương mại trong nền kinh tế quốc dân

(Tổng số tiết: 6; số tiết lý thuyết 3; Số tiết thảo luận 3)

- 7.1 Khái niệm và đặc điểm của sản phẩm dịch vụ
- 7.2 Các loại dịch vụ thương mại
- 7.3 Dịch vụ bán hàng
- 7.4 Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động dịch vụ

Chương 8: Dịch vụ trong ngoại thương

(Tổng số tiết: 1; số tiết lý thuyết 1; Số tiết thảo luận 0)

- 8.1 Ngoại thương và kinh doanh dịch vụ ngoại thương trong cơ chế thị trường
- 8.2 Lựa chọn các loại hình dịch vụ ngoại thương

Chương 9: Dịch vụ du lịch

(Tổng số tiết: 5; số tiết lý thuyết 2; Số tiết thảo luận 3)

- 9.1 Khái quát về du lịch
- 9.2 Các loại hình du lịch
- 9.3 Các loại dịch vụ du lịch
- 9.4 Ứng xử trong kinh doanh du lịch và xu hướng phát triển du lịch

Chương 10: Hạch toán kinh doanh và hiệu quả kinh doanh thương mại

(Tổng số tiết: 3; số tiết lý thuyết 3; Số tiết thảo luận 0)

- 10.1 Hạch toán kinh doanh thương mại
- 10.2 Khái niệm và phân loại hiệu quả kinh doanh thương mại
- 10.3 Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh thương mại và phương pháp xác định
- 10.4 Biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh thương mại

21. TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Tên học phần: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; thảo luận: 18 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên nâng cao những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn không thể thiếu trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ, liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm trong thực tế.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. PGS.TS Nguyễn Hữu Tài, *Giáo trình Lý thuyết tài chính – tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2012.

[2]. Phạm Văn Khoan, *Giáo trình Quản lý Tài chính công*, Học viện Tài chính, NXB Tài chính, năm 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về tài chính

- 1.1. Bản chất của tài chính
- 1.2. Chức năng của tài chính
- 1.3. Hệ thống tài chính quốc gia

Chương 2: Ngân sách nhà nước

- 2.1. Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước
- 2.2. Thu ngân sách nhà nước
- 2.3. Chi ngân sách nhà nước
- 2.4. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước

Chương 3: Tài chính doanh nghiệp

- 3.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp
- 3.2. Nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính doanh nghiệp

Chương 4: Tiền tệ - Tín dụng – Ngân hàng

- 4.1. Tiền tệ và lưu thông tiền tệ
- 4.2. Tín dụng
- 4.3. Ngân hàng

Chương 5: Tài chính quốc tế

- 5.1. Sự hình thành và phát triển của tài chính quốc tế
- 5.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế
- 5.3. Các hình thức chủ yếu của tài chính quốc tế

Chương 6: Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian

- 6.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính
- 6.2. Thị trường tiền tệ
- 6.3. Thị trường vốn
- 6.4. Các tổ chức tài chính trung gian

Chương 7: Lạm phát và chính sách tiền tệ

- 7.1. Lạm phát
- 7.2. Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

Chương 8: Quan hệ thanh toán và Tín dụng quốc tế

10.1. Cán cân thanh toán quốc tế

10.2. Tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái

10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng

10.4. Tín dụng quốc tế

22.KINH TẾ PHÁT TRIỂN

1) Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ: 2
- Các học phần tiên quyết: Không có
- Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Kinh tế vi mô 1
- Các học phần song hành: Kinh tế vĩ mô 1
- Các yêu cầu đối với học phần: Không có
- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn kinh tế phát triển – khoa Kinh tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết
 - + Thảo luận: 12 tiết
 - + Làm bài tập : 0 tiết
 - + Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 72 giờ

2) Mục tiêu môn học:

- Mục tiêu về kiến thức:
 - + Người học nắm được lý luận tăng trưởng và phát triển kinh tế.
 - + Người học nắm bắt, hiểu được hệ thống chính sách của nhà nước về vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế.
 - + Người học hiểu được các nguồn lực cơ bản trong quá trình phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển.
 - + Người học nắm được các công cụ đo lường và phân tích các vấn đề về tăng trưởng & phát triển kinh tế – xã hội.
 - + Nhận thức được sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế tới sự phát triển của các ngành kinh tế và ngược lại.

+ Nhận thức được các thay đổi trong phát triển kinh tế xã hội, từ đó có thể dự đoán được biến động kinh tế, xã hội và dự đoán được chính sách để đón nhận cơ hội và đương đầu với thách thức trong từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể.

- Mục tiêu về kỹ năng:

+ Thông qua lý luận về tăng trưởng và phát triển của các nước đang phát triển người học liên hệ với thực tiễn nền kinh tế của Việt Nam.

+ Người học xác định được các nguồn lực cơ bản trong quá trình phát triển của các nước đang phát triển.

+ Người học phân tích các xu hướng phát triển trong quá trình toàn cầu hoá, lựa chọn mô hình phát triển kinh tế cho Việt Nam.

+ Phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề bất bình đẳng trong quá trình phát triển.

+ Thông qua làm việc nhóm, người học có kỹ năng tự nghiên cứu độc lập và tổ chức, phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm tri thức, thông tin liên quan đến môn học, và tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam.

+ Người học sẽ được hoàn thiện các kỹ năng tìm kiếm và thu thập thông tin liên quan đến các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế, biết cách tìm kiếm và xử lý thông tin.

- Mục tiêu về thái độ

+ Môn học sẽ khơi dậy niềm đam mê của người học với nghiên cứu các vấn đề về tăng trưởng và phát triển kinh tế.

+ Tạo lập dẫn cho người học tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động giúp người học chủ động với công việc.

+ Tạo cho người học ý thức được về vị trí và khả năng của đất nước, cũng như khơi dậy truyền thống yêu nước, từ đó giúp người học vun đắp ý chí làm giàu cho bản thân và cho xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

- Mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển.

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở mức trung bình

3) Tóm tắt nội dung học phần:

Kinh tế phát triển là một môn trong hệ thống các môn kinh tế học. Học phần này nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Như vậy, môn học sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển

Học phần kinh tế phát triển dựa trên nền tảng công cụ lý thuyết của kinh tế học, nhất là kinh tế học tân cổ điển và kinh tế học hiện đại để tìm hiểu, lý giải, phân tích các vấn đề thực tiễn đã và đang diễn ra. Học phần này cũng có mối liên hệ mật thiết với các môn học kinh tế ngành khác như: kinh tế quốc tế, kinh tế công cộng, kinh tế môi trường, kinh tế nguồn nhân lực... tài chính công...

Để thực hiện được vai trò của mình, học phần kinh tế phát triển sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:

- Tăng trưởng và phát triển kinh tế

- Các lý thuyết phát triển kinh tế
- Các nguồn lực phát triển kinh tế
- Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế
- Toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức

4) Học liệu:

1. PGS.TS.Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Lao động - Xã hội.

5) Nội dung chi tiết học phần:

6.1 Nội dung về lý thuyết và thảo luận:

Chương 1: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế

(Tổng số tiết: 7 ; Số tiết lý thuyết: 5 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 2)

1.1 Các nước đang phát triển, đối tượng nghiên cứu của Kinh tế phát triển

1.1.1 Các nước đang phát triển trong hệ thống Kinh tế thế giới

1.1.2 Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển

1.1.3 Sự cần thiết lựa chọn con đường phát triển

1.1.4 Đối tượng, mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn Kinh tế phát triển

1.2 Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế

1.2.1 Tăng trưởng kinh tế

1.2.2 Phát triển kinh tế

1.2.3 Phát triển kinh tế bền vững

1.2.4 Lựa chọn con đường phát triển theo quan điểm tăng trưởng và phát triển kinh tế

1.3 Đánh giá phát triển kinh tế

1.3.1 Đánh giá tăng trưởng kinh tế

1.3.2 Đánh giá cơ cấu kinh tế

1.3.3 Đánh giá sự phát triển xã hội

1.4 Các nhân tố tác động đến tăng trưởng và phát triển kinh tế

1.4.1 Nhân tố kinh tế

1.4.2 Nhân tố phi kinh tế

Chương 2: Các lý thuyết phát triển kinh tế

(Tổng số tiết: 8 ; Số tiết lý thuyết: 6 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 2)

2.1 Các mô hình tăng trưởng kinh tế

2.1.1 Mô hình cổ điển về tăng trưởng kinh tế

2.1.2 Mô hình của K.Marx về tăng trưởng kinh tế

2.1.3 Mô hình tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế

2.1.4 Mô hình của Keynes về tăng trưởng kinh tế

2.1.5 Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại

2.2 Các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

2.2.1 Một số khái niệm

2.2.2 Cơ sở lý thuyết nghiên cứu xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

2.2.3 Mô hình hai khu vực của Arthus Lewis

Chương 3: Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế

(Tổng số tiết: 9 ; Số tiết lý thuyết: 5 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 4)

3.1 Phát triển con người và phát triển kinh tế

3.1.1 Quan điểm về phát triển con người

3.1.2 Thước đo về phát triển con người (chỉ số HDI)

3.2 Bất bình đẳng và phát triển kinh tế

3.2.1 Quan niệm về bất bình đẳng và bất bình đẳng trong phân phối thu nhập

3.2.2 Thước đo bất bình đẳng về phân phối thu nhập

3.2.3 Các mô hình về sự bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế

3.3 Nghèo khổ ở các nước đang phát triển

3.3.1 Nghèo khổ về thu nhập

3.3.2 Nghèo khổ tổng hợp

3.3.3 Chương trình xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam trong những năm gần đây

Chương 4: Các nguồn lực phát triển kinh tế

(Tổng số tiết: 7 ; Số tiết lý thuyết: 5 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 2)

4.1 Lao động với phát triển kinh tế

4.1.1 Một số khái niệm

4.1.2 Vai trò của lao động ở các nước đang phát triển

4.1.3 Thị trường lao động ở các nước đang phát triển

4.2 Vốn với phát triển kinh tế

4.2.1 Một số khái niệm

4.2.2 Vai trò của vốn đầu tư và vốn sản xuất với tăng trưởng và phát triển kinh tế

4.2.3 Các nguồn hình thành vốn đầu tư

23. KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Tên học phần: KINH TẾ QUỐC TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; thảo luận: 18 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên nâng cao những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn không thể thiếu trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ, liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm trong thực tế.

7. Mô tả môn học

Môn học Kinh tế quốc tế cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các lý thuyết căn bản của kinh tế học quốc tế, từ đó vận dụng phân tích thực tiễn nền kinh tế thế giới đương đại trong tiến trình hội nhập các nền kinh tế quốc gia với sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế (bao hàm các quan hệ quốc tế về thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ ...). Thêm vào đó chúng ta sẽ xem xét nền kinh tế Việt Nam trong tổng thể nền kinh tế thế giới và sự tác động của quá trình toàn cầu hóa trong lĩnh vực kinh tế.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đỗ Đức Bình – Nguyễn Thị Thúy Hồng, Giáo trình Kinh tế quốc tế, NXB Giáo dục, 2008.

[2]. Nguyễn Đình Quang, Giáo trình *Quan hệ kinh tế quốc tế*, NXB Hà Nội, 2007.

8.2. Sách tham khảo:

[3]. Bùi Thị Lý, Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế, NXB Giáo dục, 2010.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Quan hệ kinh tế quốc tế - Nội dung và phương pháp tiếp cận môn học

- Khái niệm quan hệ kinh tế quốc tế
- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn quan hệ kinh tế quốc tế
- Những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển kinh tế thế giới

Chương 2: Quan hệ thương mại quốc tế

- Một số lý thuyết về ngoại thương
- Đặc điểm chủ yếu của quan hệ thương mại quốc tế
- Ngoại thương và chính sách ngoại thương

Chương 3: Quan hệ thương mại quốc tế- Từ lý thuyết đến thực tế

Nhóm thuyết trình 3 & 4: Vòng đàm phán Doha – vì tự do hay vì phát triển?

Nhóm thuyết trình 5 & 6: Việt Nam sau WTO – cơ hội và thách thức?

Chương 4: Quan hệ tài chính-tiền tệ quốc tế

- Hệ thống tiền tệ quốc tế hiện nay
- Thị trường ngoại hối, các đồng tiền chủ chốt của thế giới
- Thị trường ngoại hối Việt Nam

Chương 5: Quan hệ đầu tư quốc tế

- Khái niệm và các thuật ngữ về đầu tư quốc tế
- Những xu hướng vận động của dòng đầu tư quốc tế
- Đầu tư trực tiếp, gián tiếp và viện trợ phát triển

Chương 6: Quan hệ chuyển dịch lao động quốc tế

- Thị trường thế giới về hành hóa sức lao động
- Di dân, nhập cư và các hệ quả về kinh tế-chính trị
- Nhập và xuất khẩu lao động

24. LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM TRA

1. Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ: 02 Loại học phần : Bắt buộc
 - Các học phần tiên quyết: Quản trị học
 - Học phần học trước: Quản lý kinh tế 1+2.
 - Các học phần song hành: Cơ cấu tổ chức, Tâm lý học quản lý.
 - Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Giáo trình học và tham khảo
 - Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý kinh tế - Khoa Quản lý
- Luật KT
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết + Thảo luận: 12 tiết
 - + Làm bài tập : 7 tiết + Thực hành, thực tập.....tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 12 tiết + Tự học: 72 tiết

2. Mục tiêu môn học

❖ Mục tiêu về kiến thức

- Người học sẽ hiểu được các khái niệm như lãnh đạo, nhà lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, kiểm tra;
- Người học nắm được những vấn đề cơ bản về bản chất của lãnh đạo, sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản trị, những phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, hiệu quả của phong cách lãnh đạo;
- Người học hiểu được các vấn đề của nghệ thuật lãnh đạo như nghệ thuật ủy quyền, nghệ thuật ra quyết định, nghệ thuật động viên nhân viên...
- Người học hiểu được sự cần thiết phải làm việc nhóm và lãnh đạo ra quyết định nhóm trong hoạt động của nhà lãnh đạo
- Người học nắm được các nội dung của hoạt động kiểm tra như: quá trình kiểm tra, các hình thức kiểm tra và các kỹ thuật kiểm tra

❖ Mục tiêu về kỹ năng

- Thông qua các vấn đề lý luận về lãnh đạo và kiểm tra, người học sẽ liên hệ với nghệ thuật lãnh đạo và động viên nhân viên của người lãnh đạo trong thực tiễn.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết tình huống.

❖ Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên thể hiện sự yêu thích, đam mê tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học

- Có ý thức vận dụng nội dung môn học vào thực tế

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên có khả năng tự định hướng, tự học, tự thích nghi với các môi trường khác nhau

- Sinh viên phải có kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ nhóm

- Có năng lực đánh giá và cải tiến trình độ cá nhân.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học lãnh đạo và kiểm tra là môn học dành cho sinh viên ngành quản lý kinh tế, cung cấp những kiến thức cơ bản có liên quan đến hoạt động lãnh đạo và kiểm tra, được thiết kế gồm 2 nội dung lớn: những nội dung cơ bản về hoạt động lãnh đạo và các vấn đề có liên quan đến hoạt động kiểm tra. Cụ thể môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Tổng quan về lãnh đạo và nhà lãnh đạo như khái niệm, nhiệm vụ và vai trò, yêu cầu đối với nhà lãnh đạo, các phẩm chất và kỹ năng cần có của nhà lãnh đạo; Phong cách và nghệ thuật lãnh đạo như nghệ thuật ra quyết định, nghệ thuật ủy quyền, sự cần thiết phải động viên nhân viên trong quá trình lãnh đạo, sự phù hợp giữa phong cách lãnh đạo với từng hoàn cảnh cụ thể; Lãnh đạo ra quyết định nhóm nghệ thuật lãnh đạo; đồng thời môn học cũng giới thiệu các vấn đề liên quan đến kiểm tra như: bản chất, vai trò của kiểm tra, các phương pháp và công cụ kiểm tra, quá trình kiểm tra.

4. Học liệu

Giáo trình chính

[1] Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền, *Giáo trình Quản trị học*, NXB Tài chính.

Tài liệu tham khảo

(2) Trần Thị Thúy Sửu, Lê Thị Vân Anh, Đỗ Hoàng Toàn (2003), *Tâm lý học quản lý kinh tế*, NXB Khoa học Kỹ Thuật.

5. Nội dung chi tiết học phần:

6.2 . Nội dung về lý thuyết và thảo luận:

- **Nội dung về lý thuyết:** Bao gồm 4 chương

Chương 1 – Tổng quan về lãnh đạo và nhà lãnh đạo

Chương 2- Phong cách và nghệ thuật lãnh đạo

Chương 3 – Lãnh đạo nhóm

Chương 4 – Kiểm tra

- **Nội dung thảo luận;** Gồm 7 chuyên đề thảo luận

(1) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Chỉ ra ai là nhà lãnh đạo, nhà quản lý tổ chức đó? Phân tích sự khác nhau giữa họ?

(2) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Hãy phân tích phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo tổ chức đó?

(3) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Hãy cho biết nhà lãnh đạo tổ chức đó tiến hành ủy quyền những công việc gì? Anh (chị) hãy phân tích trình tự tiến hành ủy quyền một công việc?

(4) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Hãy cho biết nhà lãnh đạo tổ chức đó ra quyết định như thế nào? Anh (chị) hãy phân tích trình tự tiến hành ra quyết định của nhà lãnh đạo đó?

(5) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Hãy cho biết nhà lãnh đạo tổ chức đó có tiến hành động viên nhân viên không? Anh (chị) hãy phân tích các phương pháp nhà lãnh đạo đã sử dụng?

(6) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Hãy phân tích phong cách lãnh đạo của nhà lãnh đạo tổ chức đó?

(7) Anh (chị) hãy chọn một tổ chức mà anh (chị) quan tâm? Anh (chị) nhận xét thế nào về hệ thống kiểm tra của tổ chức đó? Hãy phân tích?

6.3 . Nội dung thực hành

6.3 Nội dung bài tập lớn, tiểu luận

25. QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết 36 tiết. Thảo luận: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chất lượng và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp hiện nay. Từ những kiến thức được học về chất lượng, quản lý chất lượng, hệ thống các công cụ quản lý chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn chất lượng, sinh viên sẽ áp dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

7. Mô tả môn học

Học phần Quản trị chất lượng bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: cung cấp những khái niệm cơ bản về chất lượng, các quan điểm về chất lượng trong nền kinh tế thị trường, các tiêu chuẩn chất lượng và đo lường chất lượng; các phương pháp quản lý chất lượng; các hình thức kiểm tra chất lượng. Hệ thống chất lượng ISO.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Ngô Phúc Hạnh, Giáo trình Quản lý chất lượng, NXB Tài chính, 2010.

[2]. Nguyễn Đình Phan, *Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Lao động - Xã hội, 2005.

8.2. Sách tham khảo:

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm

1.1. Sản phẩm

- 1.1.1. Khái niệm sản phẩm
- 1.1.2. Sản phẩm mới
- 1.1.3. Tính hữu dụng của sản phẩm
- 1.1.4. Các thuộc tính của sản phẩm

1.2. Chất lượng sản phẩm

- 1.2.1. Khái niệm chất lượng sản phẩm
- 1.2.2. Đặc điểm cơ bản của chất lượng sản phẩm
- 1.2.3. Một số yếu tố tổng quát về chất lượng sản phẩm
- 1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm
- 1.2.5. Vai trò , ý nghĩa của việc nâng cao chất lượng sản phẩm
- 1.2.6. Một số chỉ tiêu chất lượng đặc trưng

1.3. Quản lý chất lượng sản phẩm

- 1.3.1 Khái niệm
- 1.3.2. Các chức năng cơ bản của Quản lý chất lượng sản phẩm
- 1.3.3. Các nguyên tắc Quản lý chất lượng sản phẩm
- 1.3.4. Đặc điểm của Quản lý chất lượng sản phẩm

Chương 2: Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng

2.1. Các bước giải quyết vấn đề chất lượng

2.2. Nhóm chất lượng

2.2.1 Nhóm chất lượng là gì?

2.2.2 Nền tảng, mục tiêu và bí quyết thành công của nhóm chất lượng

2.2.3 Tổ chức nhóm chất lượng

2.2.4 Hoạt động của nhóm chất lượng

2.3. Các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng

2.3.1 Mẫu thu thập dữ liệu

2.3.2 So sánh theo chuẩn mức

2.3.3 Biểu đồ quan hệ

2.3.4 Biểu đồ cây

2.3.5 Biểu đồ nhân quả

2.3.6 Biểu đồ kiểm soát

2.3.7 Biểu đồ cột

2.3.8 Biểu đồ pareto

Chương 3: Một số phương pháp quản lý chất lượng

3.1. Đảm bảo chất lượng

3.2 Một số phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm

3.2.1. Kiểm tra chất lượng - sự phù hợp

3.2.2. Phương pháp kiểm tra chất lượng toàn diện

3.2.3. Phương pháp quản lý chất lượng tổng thể

3.2.4 Một số phương pháp khác

3.3. Chương trình 5S

Chương 4: Tiêu chuẩn hoá và tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng

4.1. Tiêu chuẩn hoá

4.1.1. Khái quát về tiêu chuẩn hoá

4.1.2. Tác dụng của tiêu chuẩn hoá

4.2. Bộ tiêu chuẩn Quốc tế về quản lý chất lượng ISO 9000

4.2.1. Giới thiệu chung về bộ tiêu chuẩn ISO 9000

4.2.2. Nội dung cơ bản của hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000

- 4.2.3. Tầm quan trọng của hệ thống ISO 9000
- 4.2.4. Lựa chọn tiêu chuẩn ISO 9000
- 4.2.5. Thực hiện hệ thống ISO 9000
- 4.2.6. Các thủ tục và hướng dẫn làm việc của ISO 9000
- 4.2.7. Tiến hành cải tiến hệ thống

4.3. Một số hệ thống quản lý chất lượng khác

Chương 5: Quản lý chất lượng trong doanh nghiệp

- 5.1. Quản lý chất lượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp
- 5.2. Quản lý chất lượng doanh nghiệp thương mại dịch vụ
- 5.3. Quản lý chất lượng doanh nghiệp công nghiệp

26. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết 36 tiết. Thảo luận: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Quản trị học, Luật kinh doanh, Thống kê doanh nghiệp.

6. Mục tiêu của học phần:

7. Mô tả môn học

Quản trị nguồn nhân lực là học phần kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân lực; cơ sở luật pháp về nhân lực, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Điềm & Nguyễn Ngọc Quân. *Giáo trình quản trị nhân lực*- NXB ĐH Kinh tế quốc dân - 2007.

[2]. Trần Kim Dung . *Quản trị nguồn nhân lực* – NXB Tổng hợp TP HCM.

8.2. Sách tham khảo:

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về quản trị nguồn nhân lực

- 1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị nguồn nhân lực.
- 1.2. Triết lý về quản trị nguồn nhân lực.
- 1.3. Mục tiêu và nguyên tắc của quản trị nguồn nhân lực.
- 1.4. Cấp độ và phương tiện tác động trong quản trị nhân lực
- 1.5. Lựa chọn chính sách quản lý nguồn nhân lực.

Chương 2: Doanh nghiệp với chức năng quản trị nguồn nhân lực

- 2.1. Các chức năng quản trị nhân lực.
- 2.2. Hoạt động của bộ phận quản trị nguồn nhân lực.
- 2.3. Các mô hình và cơ cấu của bộ phận quản trị nhân lực.
- 2.4. Các lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.

Chương 3: Phân tích và thiết kế công việc

- 3.1. Phân tích công việc.
- 3.2. Trình tự phân tích công việc.
- 3.4. Các phương pháp phân tích công việc.
- 3.5. Thiết kế và thiết kế lại công việc.

Chương 4: Kế hoạch hoá nguồn nhân lực

- 4.1. Khái quát về kế hoạch hoá nguồn nhân lực..
- 4.2. Quá trình hoạch định nguồn nhân lực.

4.3. Dự báo nguồn nhân lực.

Chương 5: Thu hút và tuyển dụng nhân lực

5.1. Khái quát về quá trình Tuyển dụng nhân lực..

5.2. Tuyển mộ nhân lực.

5.3. Tuyển chọn nhân lực.

5.4. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng.

Chương 6: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

6.1. Vai trò của Đào tạo và phát triển nhân lực

6.2. Xác định nhu cầu đào tạo.

6.3. Tiến trình đào tạo nâng cao năng lực kỹ thuật.

6.4. Đào tạo nâng cao năng lực quản trị.

6.5. Đánh giá kết quả đào tạo.

Chương 7: Tạo động lực làm việc cho người lao động

7.1. Các lý thuyết động cơ thúc đẩy.

7.2. Các biện pháp kích thích nhằm nâng cao hiệu quả lao động.

Chương 8: Tổ chức quá trình lao động

8.1. Khái quát về Công tác tổ chức lao động.

8.2. Phân công và hiệp tác lao động trong doanh nghiệp.

8.3. Tổ chức và phục vụ chỗ làm việc.

8.4. điều kiện lao động, chế độ làm việc và nghỉ ngơi.

Chương 9: Đánh giá nguồn nhân lực

9.1. Tổng quan về đánh giá nguồn nhân lực.

9.2. Nội dung trình tự đánh giá tình hình thực hiện công việc.

9.3. Các phương pháp đánh giá tình hình thực hiện công việc.

9.5. Các điểm cần lưu ý trong đánh giá tình hình thực hiện công việc của nhân viên.

Chương 10: Trả công lao động

10.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị tiền công.

10.2. Cơ cấu thu nhập.

10.3. Các hình thức và chế độ tiền lương tiền lương chủ yếu..

Chương 11: Các khuyến khích tài chính và phúc lợi xã hội

11.1. Các khuyến khích tài chính.

11.2. Các phúc lợi cho người lao động.

Chương 12: Hợp đồng lao động và thoả ước lao động tập thể

12.1. Hợp đồng lao động.

12.2. Thoả ước lao động tập thể.

12.3. Nội quy lao động.

Chương 13: Quan hệ lao động

- 13.1. Khái quát về quan hệ lao động trong doanh nghiệp.
- 13.2. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động.

Chương 14: Kỷ luật lao động

- 14.1..Khái quát về vi phạm kỷ luật lao động.
- 14.2. Nguyên tắc và trách nhiệm kỷ luật.
- 14.3. Quá trình kỷ luật và các hướng dẫn kỷ luật có kết quả.

Chương 15: Quản lý chương trình an toàn và sức khỏe cho người lao động

- 15.1. Các vấn đề cơ bản về quản lý chương trình an toàn sức khỏe cho người lao động.
- 15.2. Các yếu tố nguy hại đến sức khỏe.
- 15.3. Các biện pháp tăng cường đảm bảo an toàn cho người lao động.
- 15.4. Tổ chức công tác an toàn và sức khỏe.
- 15.5. Chương trình sức khỏe và tinh thần cho người lao động.

27. QUẢN TRỊ MARKETING

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ MARKETING CÔNG NGHIỆP

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết 36 tiết. Thảo luận: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp; Kế toán doanh nghiệp.

6. Mục tiêu của học phần:

Nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên ngành quản trị những nguyên tắc cơ bản nhất trong quá trình quản trị hoạt động Marketing. Cụ thể : **Nắm được tổng quan về Marketing và quản trị Marketing; Nắm được phân tích các cơ hội Marketing; Nắm được chiến lược Marketing mục tiêu; Nắm được chiến lược Marketing cạnh tranh; Nắm được hoạch định chương trình Marketing; Nắm được tổ chức, thực hiện và kiểm tra đánh giá hoạt động Marketing.**

7. Mô tả môn học

Học phần đề cập đến các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như chi phí huy động và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư dài hạn, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu; các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn; các vấn đề về phân tích và kế hoạch tài chính cũng như việc hoạch định tài chính doanh nghiệp trong tương lai.

8. Tài liệu học tập

[1]. Lê Thế Giới – Nguyễn Xuân Lãn, Quản trị Marketing, NXB Giáo dục, 2010

[2]. Trương Đình Chiến, Giáo trình quản trị Marketing, NXB Kinh tế Quốc dân, 2013.

[3]. Nguyễn Xuân Quang, Giáo trình Marketing thương mại, NXB Kinh tế Quốc dân, 2007.

[4]. Lưu Văn Nghiêm, Marketing dịch vụ, NXB Kinh tế Quốc dân, 2008.

[5]. Nguyễn Minh Đạo – Vũ Trí Dũng, Giáo trình Marketing quốc tế, NXB Kinh tế Quốc dân, 2007.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING VÀ QUẢN TRỊ MARKETING

I. Tổng quan về Marketing

1. Khái niệm Marketing
2. Một số nội dung cơ bản của hoạt động Marketing

II. Quá trình quản trị Marketing

1. Khái niệm quá trình quản trị Marketing
2. Sơ đồ quản trị Marketing

Chương 2. PHÂN TÍCH CƠ HỘI MARKETING

I. Hệ thống thông tin Marketing

1. Khái niệm hệ thống thông tin Marketing (MIS – Marketing Information System)
2. Vai trò của MIS
3. Sơ đồ
4. Hệ thống ghi chép thông tin nội bộ
5. Hệ thống tình báo Marketing

6. Hệ thống nghiên cứu Marketing

7. Hệ thống quyết định hỗ trợ Marketing

II. Phân tích môi trường Marketing

1. Khái niệm

2. Phân tích môi trường vĩ mô

3. Phân tích môi trường vi mô

III. Phân tích khách hàng

1. Thị trường sản phẩm tiêu dùng

2. Thị trường các tổ chức

IV. Phân tích cạnh tranh

1. Năm áp lực cạnh tranh

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh

Chương 3. CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU

I. Phân khúc thị trường mục tiêu

1. Khái niệm

2. Lợi ích của phân khúc thị trường mục tiêu

3. Quy trình phân khúc thị trường

4. Nhân tố để phân khúc thị trường hàng tiêu dùng

5. Nhân tố cho phân khúc thị trường người mua là các tổ chức

II. Lựa chọn thị trường mục tiêu

1. Nguyên tắc chọn thị trường mục tiêu

2. Các hình thức lựa chọn phân khúc thị trường mục tiêu

3. Các chiến lược áp dụng để tiếp cận thị trường mục tiêu

III. Chiến lược định vị - Chiến lược tạo sự khác biệt

1. Chiến lược định vị
2. Chiến lược tạo sự khác biệt

IV. Định biệt hóa thương hiệu và định vị thương hiệu

1. Khái niệm thương hiệu
2. Thành phần thương hiệu
3. Nhân cách thương hiệu
4. Giá trị thương hiệu
5. Định biệt hóa thương hiệu
6. Định vị thương hiệu

Chương 4. CHIẾN LƯỢC MARKETING CẠNH TRANH

I. Khái niệm

II. Hoạch định chiến lược Marketing

1. Khái niệm
2. Quy trình hoạch định chiến lược Marketing
3. Phương pháp hoạch định chiến lược của Philip Kotler
4. Hoạch định Marketing

III. Chiến lược thị trường

1. Chiến lược Marketing tổng thể
2. Chiến lược Marketing đa dạng hóa sản phẩm
3. Chiến lược Marketing mục tiêu

IV. Chiến lược Marketing – Chu kỳ sống của sản phẩm.

1. Giai đoạn phát triển sản phẩm mới
2. Giai đoạn giới thiệu
3. Giai đoạn phát triển
4. Giai đoạn bão hòa
5. Giai đoạn suy thoái

V. Chiến lược Marketing theo vị thế doanh nghiệp trên thị trường\

1. Chiến lược dẫn đầu thị trường
2. Chiến lược người thách thức thị trường
3. Chiến lược của người theo sau thị trường
4. Chiến lược nép góc thị trường

Chương 5. HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH MARKETING

I. Sản phẩm

1. Khái niệm
2. Phát triển sản phẩm mới
3. Quản lý sản phẩm

II. Giá

1. Khái niệm
2. Các yếu tố cần xem xét trong định giá
3. Chương trình giá

III. Phân phối

1. Khái niệm

2. Các nhân tố ảnh hưởng tới việc lập kênh phân phối
3. Qui trình thiết kế kênh phân phối
4. Tổ chức và hành vi kênh phân phối
5. Quản lý kênh phân phối
6. Phân phối vật chất

IV. Chiêu thị hỗn hợp

1. Khái niệm
2. Hỗn hợp chiêu thị (Promotion Mix)
3. Các yếu tố trong quyết định về chiêu thị hỗn hợp
4. Chương trình quảng cáo
5. Lập kế hoạch PR
6. Hoạt động tài trợ
7. Event
8. Khuyến mãi

Chương 6. TỔ CHỨC, THỰC HIỆN, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING

I. Tổ chức hoạt động Marketing

1. Tổ chức Marketing
2. Hình thức tổ chức bộ phận Marketing

II. Thực hiện chương trình Marketing

1. Thực hiện Marketing
2. Quá trình thực hiện Marketing

3. Kế hoạch Marketing

III. Kiểm tra và đánh giá Marketing

28. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Tên học phần: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Biết được các nguyên tắc tổ chức, nắm chắc các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trên các loại thị trường chứng khoán. Biết được các thông tin trên thị trường chứng khoán và hiểu được ý nghĩa của các thông tin đó. Biết và hiểu được thực trạng hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Mô tả môn học

Học phần Thị trường chứng khoán trình bày các vấn đề về Tổng quan về thị trường chứng khoán; Các dạng thị trường chứng khoán; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; Cơ chế quản lý giám sát thị trường chứng khoán.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. PGS.TS Bùi Kim Yến, *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, Đại học Kinh tế Tp.HCM, NXB Lao động – Xã hội, năm 2008

8.2. Sách tham khảo:

[2]. TS Bạch Đức Hiền, *Thị trường Chứng khoán*, NXB Tài chính, 2008.

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán

1.1. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán

1.2. Cơ cấu của thị trường chứng khoán

1.3. Hàng hoá của thị trường chứng khoán

1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán

1.5. Giới thiệu về thị trường chứng khoán một số nước trên thế giới

Chương 2: Thị trường sơ cấp

2.1. Phân loại nghiệp vụ phát hành

2.2. Các phương thức phát hành chứng khoán

2.3. Nghiệp vụ phát hành cổ phiếu và trái phiếu

Chương 3: Sở giao dịch chứng khoán

3.1. Khái niệm và chức năng của Sở giao dịch chứng khoán

3.2. Thành viên Sở giao dịch chứng khoán

3.3. Niêm yết chứng khoán

3.4. Hệ thống giao dịch chứng khoán trên sở giao dịch chứng khoán

Chương 4: Thị trường OTC

4.1. Những vấn đề chung về thị trường OTC

4.2. Tổ chức và hoạt động trên thị trường OTC

4.3. Thị trường OTC ở một số nước trên thế giới

Chương 5: Phân tích chứng khoán

5.1. Quy trình đầu tư chứng khoán và vai trò của phân tích đầu tư chứng khoán

5.2. Nội dung phân tích chứng khoán

5.3. Định giá chứng khoán

5.4. Điều kiện thực hiện phân tích chứng khoán tại Việt Nam

Chương 6: Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán

6.1. Giới thiệu về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán

6.2. Các nguồn thông tin trên thị trường chứng khoán

Chương 7: Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán

7.1. Sự cần thiết phải quản lý và giám sát thị trường chứng khoán

7.2. Quản lý thị trường chứng khoán

7.3. Giám sát thị trường chứng khoán

7.4. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán ở một số nước trên thế giới

7.5. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán ở Việt Nam

29. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

Giới thiệu học phần

1. Mô tả môn học

Môn Lịch sử các học thuyết kinh tế được xây dựng nhằm cung cấp cho người học một cách có hệ thống các quan điểm, các học thuyết kinh tế của các trường phái và các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện chúng.

2. Mục tiêu môn học

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ:

+ Về kiến thức: Hiểu được một cách có hệ thống các quan điểm, các học thuyết kinh tế của các trường phái và các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện chúng. Từ đó, có các kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kinh tế khác.

+ Về kỹ năng: Được trang bị các kỹ năng phân tích và tổng hợp.

+ Thái độ: Nhận thức và cải tạo hiện thực xã hội dựa trên những bài học lịch sử.

2.2. Các mục tiêu khác

a) Phát triển các kỹ năng cộng tác, làm việc theo nhóm

b) Phát triển khả năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi

c) Rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước công chúng

3. Nội dung chi tiết

Chương I: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

- 1.1. Đối tượng và ý nghĩa nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế
- 1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Lịch sử các học thuyết kinh tế
- 1.3. Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế

Chương II: SỰ PHÁT SINH, PHÁT TRIỂN VÀ SUY THOÁI CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC TƯ SẢN CỔ ĐIỂN TỪ GIỮA THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XIX

2.1. Học thuyết kinh tế của những người theo chủ nghĩa trọng thương

2.1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa trọng thương (CNTT)

2.1.2 Những quan điểm kinh tế chủ yếu của CNTT

2.1.3. Đặc điểm của chủ nghĩa trọng thương ở Anh và Pháp

2.1.4. Quá trình tan rã của chủ nghĩa trọng thương

2.1.5 Một số nhận xét về chủ nghĩa trọng thương

2.2. Học thuyết kinh tế của những người theo chủ nghĩa trọng nông

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện chủ nghĩa Trọng nông

2.2.2. Những quan điểm kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng nông

2.2.3. Những đại diện tiêu biểu của CNTN

2.3. Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh

2.3.1. Hoàn cảnh xuất hiện trường phái KTCT cổ điển Anh

2.3.2. William Petty (1623-1687)

2.3.3. Adam Smith (1723-1790)

2.3.4. David Ricardo (1772-1823)

2.4. Kinh tế chính trị học Tư sản thời kỳ hậu cổ điển

2.4.1. Nguyên nhân dẫn đến sự suy đồi của kinh tế chính trị học thời kỳ cổ điển

2.4.2. Học thuyết kinh tế của Thomas Robert Malthus (1766 - 1834)

Chương III: KINH TẾ CHÍNH TRỊ TIỂU TƯ SẢN

3.1. SISMONDI và các tác phẩm chủ yếu của ông (1773 - 1842)

3.1.1. Những quan điểm kinh tế chủ yếu của Sismondi

3.2. PROUDHON (1809 - 1865)

3.2.1. Tiểu sử, những tác phẩm chủ yếu của Proudhon

3.2.2. Đặc trưng phương pháp luận của Proudhon

3.2.3. Những quan điểm kinh tế chủ yếu của Proudhon

Chương IV: HỌC THUYẾT CỦA NHỮNG NGƯỜI XHCN KHÔNG TƯỞNG Ở TÂY ÂU THẾ KỶ XIX

4.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của CNXH không tưởng ở Tây Âu đầu thế kỷ XIX và các đặc điểm của nó

4.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của CNXH không tưởng ở Tây Âu thế kỷ XIX

4.1.2. Đóng góp chủ yếu của CNXH không tưởng

4.2. Học thuyết của Saint Simon

4.2.1. Quan điểm lịch sử của Saint Simon

4.2.2. Sự phê phán CNTB của Saint Simon

4.2.3. Dự án về xã hội tương lai, hay dự án về hệ thống công nghiệp mới

4.3. Học thuyết kinh tế của Charles Fourier

4.3.1. Lí thuyết về lịch sử phát triển xã hội

4.3.2. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản

4.3.4. Lí luận hiệp hội và dự đoán về xã hội tương lai

4.4. Chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh Robert Owen (1771 - 1858)

4.4.1. Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh

4.4.2. Hoạt động thực tiễn của Robert Owen

4.4.3. Sự phê phán chủ nghĩa tư bản

4.4.4. Dự án về “*Tiền lao động*” về sự trao đổi công bằng và kế hoạch hợp tác hoá

Chương V: SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN KTCT HỌC MARX – LÊ NIN

5.1. Điều kiện lịch sử phát sinh chủ nghĩa Marx

5.2. Quá trình xây dựng và phát triển KTCT học Marxit

5.2.1. Giai đoạn hình thành cơ sở triết học và phương pháp luận của KTCT học marxit (1843 - 1844 – 1848)

5.2.2. Giai đoạn xây dựng hệ thống các phạm trù và quy luật kinh tế của kinh tế chính trị học marxit (1848 – 1867)

5.3. Những đóng góp chủ yếu của MARX và ENGELS trong kinh tế chính trị học

5.4. V.I. Lênin tiếp tục phát triển kinh tế chính trị học Marxit

5.4.1. Tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước

5.4.2. Quan điểm của Lênin về xây dựng CNXH

Chương VI: CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN HIỆN ĐẠI

6.1. Các học thuyết kinh tế của trường phái “cổ điển mới”

6.1.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của trường phái “Cổ điển mới”

6.1.2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái “giới hạn” thành Viene (Áo)

6.1.3. Trường phái “Giới hạn” ở Mỹ

6.1.4. Trường phái thành Lausanne (Thụy Sĩ)

6.1.5. Trường phái Cambridge (Anh)

6.2. Các học thuyết kinh tế của trường phái KEYNES

6.2.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm chủ yếu của học thuyết Keynes

6.2.2. Lí thuyết chung về “Việc làm” của J.M.Keynes

6.2.3. Lí thuyết Keynes về sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế

6.2.4. Trường phái Keynes

6.2.5. Những hạn chế của lí thuyết Keynes

6.3. Các lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại

6.3.1. Sự xuất hiện và đặc điểm phương pháp luận của kinh tế học trường phái chính hiện đại

6.3.2. Lí thuyết về nền “Kinh tế hỗn hợp

6.3.3. Lí thuyết về giới hạn “khả năng sản xuất” và “sự lựa chọn”

6.3.4. Lí thuyết thất nghiệp

6.3.5. Lí thuyết lạm phát

4.2. Học liệu

4.2.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Phạm Quang Phan – An Như Hải, *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.

4.2.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Bình Trọng, *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2003.

30. QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ

Mã học phần:

6. Thông tin chung về các giảng viên dạy môn học

1.1 Thông tin chung về học phần:

- Số tín chỉ: ...2.....Loại học phần : Tự chọn
- Các học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học.
- Các học phần song hành: Quản trị tài chính.
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
.....
- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Quản trị doanh nghiệp công nghiệp
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết : 24 tiết + Thảo luận: 12 tiết
 - + Làm bài tập :tiết + Thực hành, thực tập.....tiết
 - + Hoạt động theo nhóm:tiết + Tự học: 60 giờ

7. Mục tiêu môn học:

Mục tiêu về kiến thức :

Trang bị cho sinh viên ngành quản trị doanh nghiệp những kiến thức cơ bản về công nghệ, quản lý công nghệ giúp người học có thể tự xây dựng cho mình một công cụ dưới dạng phương pháp luận về sử dụng công nghệ, trên cơ sở đó kết hợp với các kiến thức của các bộ môn khoa học khác để đạt được hiệu quả cao khi tham gia hoạt động kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động khác.

Mục tiêu về kỹ năng:

Vận dụng được kiến thức về quản lý công nghệ để đọc, hiểu và phân tích được các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng công nghệ như năng lực hoạt động của

công nghệ, hàm lượng chất xám của công nghệ, và quy trình chuyển giao một công nghệ trên cơ sở đó đưa ra quyết định lựa chọn và đầu tư công nghệ chính xác. Có khả năng bao quát, tổ chức các hoạt động tập thể, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

Mục tiêu về thái độ:

- + Nhận thức được mối quan hệ logic giữa môn học Quản lý công nghệ với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành.
- + Thể hiện sự yêu thích, đam mê tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môn học.
- + Có ý thức vận dụng nội dung dạy học vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề nghiệp nói riêng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý công nghệ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ quản lý công nghệ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý công nghệ ở quy mô trung bình.

8. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Quản lý công nghệ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và nghiệp vụ về hoạt động quản lý công nghệ trong doanh nghiệp. Môn học phần cung cấp các kiến thức về đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, phân tích quá trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, xác định được năng lực công nghệ và thực hiện chuyển giao một công nghệ cụ thể, trong đó đi sâu vào tính toán và phân tích các chỉ tiêu về hàm lượng chất xám của công nghệ, năng

lực hoạt động của công nghệ giá trị đóng góp của công nghệ, để từ đó lựa chọn các phương án công nghệ và có phương pháp quản lý hiệu quả nhất việc sử dụng công nghệ

Cùng với việc cung cấp cho người học các kiến thức quản lý công nghệ trong doanh nghiệp, các cách thức tiếp cận và quản lý công nghệ trong doanh nghiệp thì môn học cũng góp phần giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản trị thực sự am hiểu về công cụ cạnh tranh của các doanh nghiệp hiện nay.

9. Học liệu:

1.1. Trần Thanh Lâm, Bài giảng Quản trị công nghệ, ĐH Kinh tế Tp HCM.

1.2. Nguyễn Đăng Đậu – Nguyễn Xuân Tài, Giáo trình quản lý công nghệ, NXB Thống kê, 2003.

10. Nội dung chi tiết học phần:

6.4 Nội dung về lý thuyết và thảo luận

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ

1.1. Khái niệm về công nghệ

1.1.1 Công nghệ là gì?

1.1.2 Các bộ phận cấu thành công nghệ

1.1.3 Phân loại công nghệ

1.2 Các đặc trưng của công nghệ

1.2.1 Chuỗi phát triển của các thành phần công nghệ

1.2.2 Mức độ phức tạp của các thành phần công nghệ

1.2.3 Độ hiện đại của các thành phần công nghệ

1.2.4 Chu trình sống của công nghệ

1.3 Khái niệm về quản lý công nghệ

1.3.1 Quản lý công nghệ là gì?

1.3.2 Vai trò, mục tiêu và phạm vi của quản lý công nghệ

1.4 Môi trường phát triển công nghệ

1.4.1 Khái niệm

1.4.2. Cơ sở hạ tầng công nghệ

1.4.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ của các nước đang phát triển

1.4.4 Phân tích môi trường công nghệ

CHƯƠNG 2. ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ

2.1 Đánh giá công nghệ

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Quá trình đánh giá công nghệ

2.1.3 Các công cụ và kỹ thuật sử dụng trong ĐGCN

2.1.4 Phương pháp phân tích chi phí- lợi ích áp dụng trong ĐGCN

2.2 Lựa chọn công nghệ

2.2.1 Công nghệ thích hợp

2.2.2 Một số phương pháp lựa chọn công nghệ thích hợp

CHƯƠNG 3. NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ

3.1 Khái niệm về năng lực công nghệ

3.1.1 Khái niệm

3.1.2 Các chỉ tiêu đánh giá năng lực công nghệ

3.2 Phân tích năng lực công nghệ

3.2.1 Mục đích

3.2.2 Các bước cơ bản phân tích năng lực công nghệ

3.2.3 Phân tích năng lực công nghệ cơ sở

3.3 Các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ

3.3.1 Nâng cao nhận thức, hiểu biết về năng lực công nghệ

3.3.2 Xây dựng yêu cầu năng lực công nghệ

3.3.3 Tiếp tục hoàn thiện phương pháp phân tích đánh giá năng lực CN

3.3.4 Tạo nguồn nhân lực cho công nghệ

3.3.5 Xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ

CHƯƠNG 4. ĐỔI MỚI, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

4.1 Khái niệm về đổi mới công nghệ

4.1.1 Đổi mới công nghệ là gì

4.1.2 Nhận thức về đổi mới công nghệ

4.1.3 Phân loại đổi mới công nghệ

4.2 Quá trình đổi mới công nghệ

4.2.1 Một số xu thế ảnh hưởng tới đổi mới công nghệ

4.2.2 Các giai đoạn đổi mới công nghệ

4.2.3 Mô hình đổi mới công nghệ

4.3 Hiệu quả đổi mới công nghệ

4.3.1 Tổng quan về hiệu quả đổi mới công nghệ

4.3.2 Đối với nền kinh tế

4.3.3 Đánh giá kết quả đổi mới công nghệ ở doanh nghiệp

4.3 Chuyển giao công nghệ

4.3.1 Khái niệm chung

4.3.2 Quá trình chuyển giao công nghệ

CHƯƠNG 5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG NGHỆ

5.1 Khái niệm chung

5.2 Quản lý Nhà nước về công nghệ

5.3 Đổi mới quản lý nhà nước về công nghệ ở Việt Nam

6.5 Nội dung thực hành: Không có

6.6 Nội dung bài tập lớn, tiểu luận: Không có

11. Nội dung chi tiết và kế hoạch triển khai:

12. Kiểm tra, đánh giá:

8.1 Kiểm tra, đánh giá thường xuyên trọng số: 0,3.

8.2 Kiểm tra, đánh giá định (giữa) kỳ trọng số 0,2.

8.3 Thi, đánh giá cuối kỳ trọng số 0,5; Hình thức thi: Vấn đáp

31. QUẢN TRỊ BÁN HÀNG

1. Mục tiêu môn học:

1.1. Mục tiêu chung:

- Về kiến thức:

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản, tư duy trong việc thực hiện công việc quản trị bán hàng: giới thiệu về công việc bán hàng và quản trị bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với Giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng, quản trị đội ngũ bán hàng...

- Về kỹ năng:

+ Hiểu vững hoạt động bán hàng, quản trị bán hàng, kỹ năng cần thiết để chào hàng; quy trình bán hàng; kỹ năng xử lý tình huống trong bán hàng;

+ Có khả năng tổ chức lực lượng bán hàng cho công ty; các biện pháp tăng năng suất bán hàng;

+ Có khả năng quản lý danh mục sản phẩm, định giá, tổ chức phân phối và truyền thông tới khách hàng mục tiêu

- Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng và mối quan hệ logic giữa môn học quản trị bán hàng với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành.

1.2. Các mục tiêu khác

a) Phát triển tư duy sáng tạo trong quản trị doanh nghiệp.

b) Rèn luyện phong cách quản trị.

c) Khả năng bao quát, tổ chức các hoạt động tập thể, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

2. Những nội dung cơ bản của môn học:

2.1 Học liệu

1. James M. Comer, Quản trị bán hàng, NXB Tp. Hoà Chí Minh, 2005

2. Tôn Thất Hải – Hà Thị Thùy Dương, Hướng dẫn học tập Quản trị Bán hàng, NXB TP HCM, 2009

2.2. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC QUẢN TRỊ BÁN HÀNG

1.1. Khái niệm về quản trị bán hàng

1.2. Mục tiêu của hoạt động quản trị bán hàng

1.2.1. Mục tiêu về nhân sự:

1.2.2. Mục tiêu về doanh số, lợi nhuận:

1.3. Chiến lược tổng thể và quản trị bán hàng

1.3.1. Cấu trúc của công ty

1.3.2. Chiến lược tổng thể và quản trị bán hàng:

1.4. Thiết kế mô hình quản trị bán hàng

1.4.1. Phân loại lực lượng bán hàng:

1.4.2. Những sơ đồ tổ chức lực lượng bán hàng:

1.5. Quản trị bán hàng - Một cái nhìn tổng thể

CHƯƠNG 2: BẢN CHẤT NGHỀ BÁN HÀNG

2.1. Khái niệm

2.2. Vai trò của hoạt động bán hàng

2.3. Lịch sử của nghề bán hàng

2.4. Phân loại ngành nghề bán hàng chủ yếu

2.5. Chức năng và nhiệm vụ của bán hàng

2.5.1. Bán hàng

2.5.2. Những nhiệm vụ về quản lý và điều hành

2.5.3. Những trách nhiệm về tài chính

2.5.4. Những nhiệm vụ về marketing

2.6. Những điều kiện về tâm lý, thể chất, kiến thức và phẩm chất người bán hàng

2.7. Những cơ hội, khó khăn và các vấn đề đạo đức

2.7.1. Những cơ hội

2.7.2. Những khó khăn

2.7.3. Những vấn đề đạo đức

2.8. Những vấn đề của nghề bán hàng trong thế kỉ 21

Chương 3 – GIÁM ĐỐC BÁN HÀNG CHUYÊN NGHIỆP

3.1. Khái niệm

3.2. Nhiệm vụ của giám đốc bán hàng

3.2.1. Quản trị lực lượng bán hàng:

3.2.2. Quản trị hành chính

3.2.3. Tiếp thị

3.2.4. Bán hàng trực tiếp

3.2.5. Tài chính

3.2.6. Quan hệ

3.3. Từ nhân viên chào hàng đến giám đốc bán hàng

3.4. Lựa chọn nhân viên bán hàng đến bổ nhiệm giám đốc bán hàng

3.4.1. Xác định những tiêu chuẩn lựa chọn

3.4.2. Xác định các ứng viên

3.4.3. Tham khảo ý kiến

3.5. Quá trình chuyển tiếp từ nhân viên chào hàng trở thành giám đốc bán hàng

3.5.1. Những khó khăn thường gặp

3.5.2. Để thành công trong quá trình chuyển tiếp

3.6. Thu nhập của giám đốc bán hàng

3.7. Những vấn đề đạo đức

3.7.1. Giám đốc bán hàng và công ty

3.7.2. Giám đốc bán hàng và lực lượng bán hàng

3.7.3. Giám đốc bán hàng với đối thủ cạnh tranh và khách hàng

Phân tích chi phí

4.2.3. Phân tích tài chính

4.3. Dự báo bán hàng

4.3.1. Quá trình dự báo

4.3.2. Các phương pháp dự báo

4.4. Đề ra hạn ngạch và lập ngân sách

4.4.1. Hạn ngạch

4.4.2 Mục đích lập hạn ngạch

4.4.3. Để tạo nên chương trình hạn ngạch tốt

4.5. Lập ngân sách

CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ NĂNG SUẤT LỰC LƯỢNG BÁN HÀNG

5.1. Năng suất của lực lượng bán hàng

5.1.1. Tăng thời gian hữu ích

5.1.2. Tạo ra những nỗ lực hiệu quả hơn

5.2. Tăng năng suất thông qua phân chia khu vực

5.2.1. Phân chia khu vực

5.2.2. Phân chia lại tất cả khu vực

5.3. Tăng năng suất thông qua khách hàng trong khu vực

5.4. Tự động hóa lực lượng bán hàng

Chương 6 – XÂY DỰNG CƠ CHẾ LƯƠNG THƯỜNG

6.1. Các nguồn tuyển dụng

6.1.1. Công ty

6.1.2. Các tổ chức trường học

6.1.3. Các nguồn từ nền công nghiệp

6.1.4. Các nguồn khác

6.2.Lựa chọn

6.2.1. Bản tóm tắt và hình thức xin việc

6.2.2. Phỏng vấn

6.2.3. Quyết định lựa chọn

Chương 7 - THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN

6.

7.1.Yêu cầu huấn luyện

7.1.1. Đối với lực lượng bán hàng hiện tại

7.1.2. Đối với nhân viên bán hàng mới:

7.2. Thực hiện một chương trình đào tạo bán hàng

7.2.1. Đánh giá nhu cầu

7.2.2. Các mục tiêu của chương trình

7.2.3. Đánh giá nguồn

7.2.4. Nội dung chương trình

7.2.5. Thực hiện chương trình

7.2.6. Đánh giá chương trình

7.3. Chương trình huấn luyện kỹ năng bán hàng

7.3.1. Các nhiệm vụ mua hàng

7.3.2. Quá trình mua

7.3.3. Động cơ mua hàng

7.3.4. Nhiệm vụ mua hàng

7.3.5. Quá trình mua hàng

7.3.6. Động cơ mua hàng

7.4. Tiến trình bán hàng căn bản

Chính sách đối với môn học

- Theo quy chế đào tạo hiện hành

- Cho phép vắng không quá 2 giờ Thảo luận hoặc 3 giờ làm việc nhóm
- Cho phép thực hiện lại bài tập không quá 1 lần (trong trường hợp không đạt)
- Cho phép thay một báo cáo sáng kiến dạy học bằng 1 bài tập giữa kỳ
- Kết quả đánh giá môn học là thông tin mang tính cá nhân, không công khai
- Nộp bài đầy đủ, đúng thời hạn, quy cách theo yêu cầu của GV
- SV phải thực hiện các bài tập một cách nghiêm túc, không được sao chép (dưới mọi hình thức).

7. phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá

7.1. Đánh giá thường xuyên:

- Kiểm diện
- Minh chứng tham gia semina, làm việc nhóm (biên bản làm việc, hợp đồng học tập...)
- Trắc nghiệm, bài tập nhỏ.

7.2. Đánh giá định kỳ

Hình thức	Tỷ lệ
Bài tập cá nhân	10%
Bài tập nhóm	10%
Kiểm tra giữa kỳ	20%
Bài tập lớn học kỳ	
Thi cuối kỳ	60%

6) Kiểm tra, đánh giá:

8.1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên trọng số:.....

8.2. Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ trọng số:.....

8.3. Thi, đánh giá cuối kỳ trọng số:.....; Hình thức thi: Tự luận

32. Khóa luận tốt nghiệp

6 TC

Học phần Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.